



CHƯƠNG TRÌNH
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Thời gian	Nội dung
08h00' - 08h30'	Cổ đông đăng ký tham dự.
08h30' - 08h40'	Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu.
08h40' - 08h50'	Thông qua Đoàn Chủ tịch, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu.
08h50' - 09h30'	Đại hội lần lượt xem xét thông qua các vấn đề sau: <ol style="list-style-type: none">1. Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông.2. Thể lệ làm việc và biểu quyết tại Đại hội và Chương trình làm việc của Đại hội.3. Báo cáo kết quả sản xuất - kinh doanh - tài chính năm 2025; phương hướng, nhiệm vụ và kế hoạch năm 2026.4. Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán.5. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và phương hướng hoạt động năm 2026.6. Báo cáo của Ban kiểm soát về công tác năm 2025 và phương hướng hoạt động năm 2026.7. Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận năm 2025.8. Tờ trình về tiền lương và mức thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2026.9. Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty.10. Báo cáo kết quả thực hiện Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2025 và đơn giá mua bán sỉ nước sạch năm 2026; trình tiếp tục ủy quyền cho Hội đồng quản trị thương thảo và quyết định Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch cho đến kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2027.11. Trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.12. Trình bầu bổ sung thành viên độc lập Hội đồng quản trị; miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty.

Thời gian	Nội dung
09 ^h 30' - 09 ^h 50'	Thảo luận và biểu quyết các nội dung.
09 ^h 50' - 10 ^h 10'	Thực hiện quy trình bầu bổ sung thành viên HĐQT.
10 ^h 10' - 10 ^h 40'	Nghỉ giải lao
10 ^h 40' - 10 ^h 50'	13. Công bố kết quả biểu quyết các nội dung và kết quả bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị của Đại hội đồng cổ đông.
10 ^h 50' - 11 ^h 15'	14. Thông qua nghị quyết Đại hội. 15. Thông qua biên bản Đại hội. 16. Bế mạc Đại hội.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 4 năm 2026

**THẺ LỆ LÀM VIỆC VÀ BIỂU QUYẾT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHÀ BÈ**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè,

Để cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè (sau đây gọi tắt là Đại hội) được tiến hành đúng quy định, thuận lợi và thành công tốt đẹp, đề nghị Quý cổ đông tham dự thực hiện nghiêm túc các quyền hạn và nghĩa vụ của mình dưới đây:

1. Tất cả cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè theo danh sách cổ đông chốt tại ngày 20/3/2026 do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp được quyền tham dự Đại hội.
2. Cổ đông hoặc đại diện cổ đông đã làm thủ tục đăng ký tham dự Đại hội được quyền tham gia phát biểu ý kiến, biểu quyết và bầu cử tại Đại hội.
3. Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết.
4. Đại hội được điều khiển bởi Đoàn Chủ tịch (gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa và một số Ủy viên). Cổ đông tham gia Đại hội phải tuân thủ theo sự điều khiển của Đoàn Chủ tịch nhằm tạo điều kiện cho Đại hội diễn ra một cách thuận lợi, nhanh chóng và hợp lệ.
5. Khi tiến hành đăng ký tham dự Đại hội, Công ty cấp cho cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết trên đó ghi tên của cổ đông, mã số đăng ký và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

5.1. Thẻ biểu quyết:

Cổ đông biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết theo sự điều khiển của Đoàn Chủ tịch để lấy ý kiến biểu quyết: Đồng ý hoặc Không đồng ý hoặc Không có ý kiến.



5.2. Phiếu biểu quyết:

- Cổ đông biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết đối với nội dung bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị.
 - Phiếu biểu quyết không hợp lệ là Phiếu biểu quyết không do Công ty phát hành; ghi thêm nội dung, thông tin, ký hiệu khác khi không được Đoàn Chủ tịch yêu cầu; Phiếu biểu quyết bị sửa chữa, rách không còn nguyên vẹn. Phiếu biểu quyết không thể hiện rõ ràng ý kiến của cổ đông; Phiếu biểu quyết không có chữ ký của cổ đông.
 - Trường hợp cổ đông biểu quyết nhầm hoặc Phiếu biểu quyết không còn nguyên vẹn, cổ đông có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu để được cấp lại Phiếu biểu quyết mới và phải nộp lại Phiếu biểu quyết cũ.
 - Trường hợp cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội nhưng vì lý do quan trọng không thể có mặt đến hết chương trình Đại hội, cổ đông đó phải gửi lại Phiếu biểu quyết đã biểu quyết các vấn đề cần lấy ý kiến cho Ban kiểm phiếu trước khi ra về.
 - Thời gian bỏ phiếu được tính từ khi Đoàn Chủ tịch hoặc Trưởng Ban kiểm phiếu thông báo bắt đầu bỏ phiếu cho đến khi không còn cổ đông/đại diện cổ đông nào bỏ phiếu vào thùng phiếu.
6. Ban kiểm phiếu do Đoàn Chủ tịch đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập Biên bản thống kê số phiếu Đồng ý, Không đồng ý, Không có ý kiến của Đại hội đồng cổ đông đối với từng vấn đề biểu quyết tại Đại hội; thống kê kết quả biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông. Đoàn Chủ tịch hoặc Trưởng Ban kiểm phiếu sẽ công bố kết quả kiểm phiếu từng vấn đề sau khi tiến hành biểu quyết.
7. Cổ đông đến dự họp sau khi Đại hội khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết các nội dung tiếp theo tại Đại hội. Đoàn Chủ tịch không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
8. Thông qua Quyết định của Đại hội đồng cổ đông:
- 8.1. Tại cuộc họp này, nội dung *Báo cáo kết quả thực hiện Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2025 và đơn giá mua bán sỉ nước sạch năm 2026*; trình tiếp tục ủy quyền cho Hội đồng quản trị thương thảo và quyết định Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch cho đến kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành (không tính số lượng phiếu biểu quyết của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV và người có liên quan). Tổng Công ty

Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV và người có liên quan không được biểu quyết nội dung này do là 1 bên trong giao dịch.

- 8.2. Nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.
- 8.3. Trừ trường hợp quy định tại khoản 8.1 và 8.2 và 8.4, các quyết định khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.
- 8.4. Việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Chi tiết về cách thức bầu Thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Quy chế bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị trong tài liệu họp đã được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty.
9. Nội dung Đại hội được Đoàn Thư ký ghi chép đầy đủ vào Biên bản Đại hội và thông qua Đại hội trước khi bế mạc.
10. Thê lệ làm việc và biểu quyết này được đọc trước Đại hội đồng cổ đông và lấy ý kiến biểu quyết của các cổ đông. Nếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua với tỉ lệ đồng ý từ 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, Thê lệ này sẽ có hiệu lực thi hành bắt buộc đối với tất cả các cổ đông.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Huỳnh Hảo Tài



Số: **0941**/BC-CNNB

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO

Kết quả sản xuất - kinh doanh - tài chính năm 2025 và phương hướng hoạt động năm 2026

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2025:

A. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH:

- Về mặt chủ trương: Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè được triển khai theo định hướng tại Nghị quyết số **21/NQ-CNNB-HĐQT** ngày 11/11/2024, Nghị quyết số **22/NQ-CNNB-HĐQT** ngày 04/03/2025, Nghị quyết số **23/NQ-CNNB-HĐQT** ngày 31/03/2025, Nghị quyết số **33/NQ-CNNB-HĐQT** ngày 18/11/2025 và Nghị quyết số **35/NQ-CNNB-HĐQT** ngày 10/02/2026 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè.

- Về điều kiện thực tế: Công ty quản lý hệ thống mạng lưới đường ống cấp I, II, III với tổng chiều dài khoảng **1.045 km**, phục vụ **143.204 đồng hồ nước**. Phạm vi cung cấp dịch vụ nước sạch trải dài trên 9 phường/xã (thuộc Quận 4, Quận 7 và huyện Nhà Bè trước đây), với nhiều loại hình sử dụng gồm: dịch vụ (**21,54%**), hành chính (**3,26%**), sinh hoạt thuần túy (**68,51%**), sản xuất (**6,69%**).

- Về kết quả thực hiện: Năm 2025, trong bối cảnh ngành cấp nước Thành phố đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, dưới sự chỉ đạo và định hướng kịp thời của Hội đồng Quản trị cùng với sự nỗ lực của toàn thể cán bộ công nhân viên, Công ty đã bảo đảm cung cấp nước an toàn, liên tục, góp phần ổn định an sinh xã hội trên địa bàn quản lý. Hoạt động sản xuất kinh doanh đã đạt được một số kết quả tích cực và khả quan, cụ thể như sau:

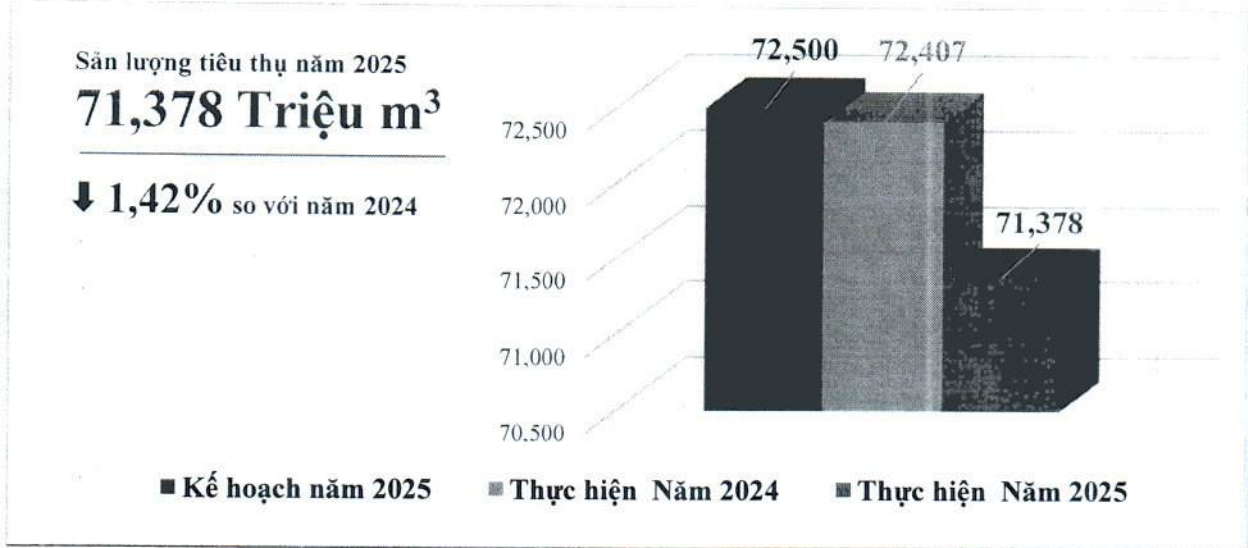
B. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT-KINH DOANH - TÀI CHÍNH NĂM 2025:

1. Về kinh doanh nước sạch:

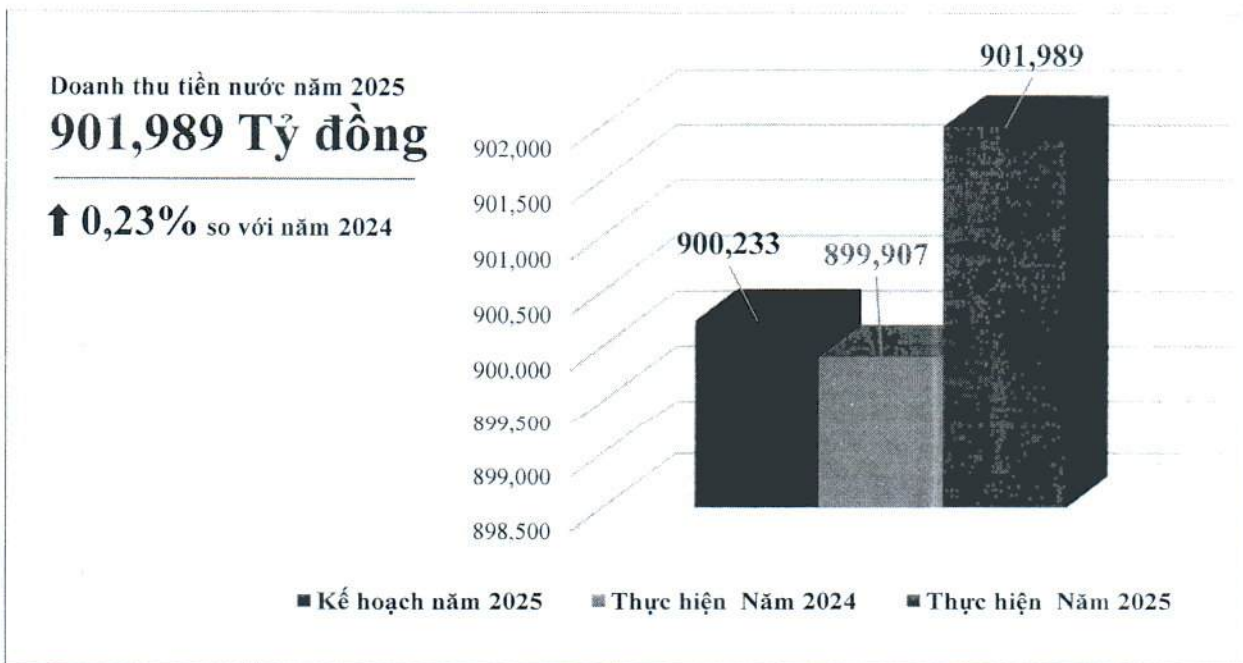
Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện		Tỷ lệ	
				Năm 2024	Năm 2025	Tăng/giảm so với năm 2024	So với KH 2025
1	Sản lượng nước tiêu thụ	1.000m ³	72.500	72.407	71.378	-1,42%	98,45%
2	Doanh thu tiền nước	Tỷ đồng	900,233	899,907	901,989	0,23%	100,20%
3	Tỷ lệ thất thoát nước	%	11,5	11,43	12,05	0,62%	0,55%

- **Về sản lượng nước tiêu thụ:** Sản lượng nước tiêu thụ năm 2025 đạt **71,378 triệu m³** giảm **1,029 triệu m³** so với cùng kỳ năm 2024, đạt **98,45%** kế hoạch.

+ **Nguyên nhân:** Sản lượng chưa đạt như kỳ vọng do một số nguyên nhân: nhóm đối tượng kinh doanh dịch vụ có nhiều nơi trả mặt bằng, ngừng kinh doanh, một số khách hàng lớn (trong đó có Phú Mỹ Hưng) giảm sản lượng tiêu thụ; phí dịch vụ thoát nước tăng (30%) nên khách hàng sử dụng nước có khuynh hướng tiết kiệm hơn; địa bàn cuối nguồn gặp nhiều khó khăn do áp lực nước yếu ở một số khu vực vào giờ cao điểm (cơ ồng mạng phân phối chưa truyền tải đủ lượng nước theo nhu cầu sử dụng); đặc biệt trong các tháng nắng nóng vào mùa khô.



- **Về doanh thu tiền nước:** Công tác kiểm tra, kiểm soát, truy thu lượng nước thất thoát, áp dụng đúng giá biểu, định mức góp phần tăng giá bán bình quân đạt **12.636 đồng/m³** tăng **219 đồng/m³** so với kế hoạch (**12.417 đồng/m³**). Do đó doanh thu tiền nước năm 2025 đạt **901,989 tỷ đồng**, tăng **2,08 tỷ đồng** so với cùng kỳ năm 2024 và đạt **100,20%** kế hoạch.



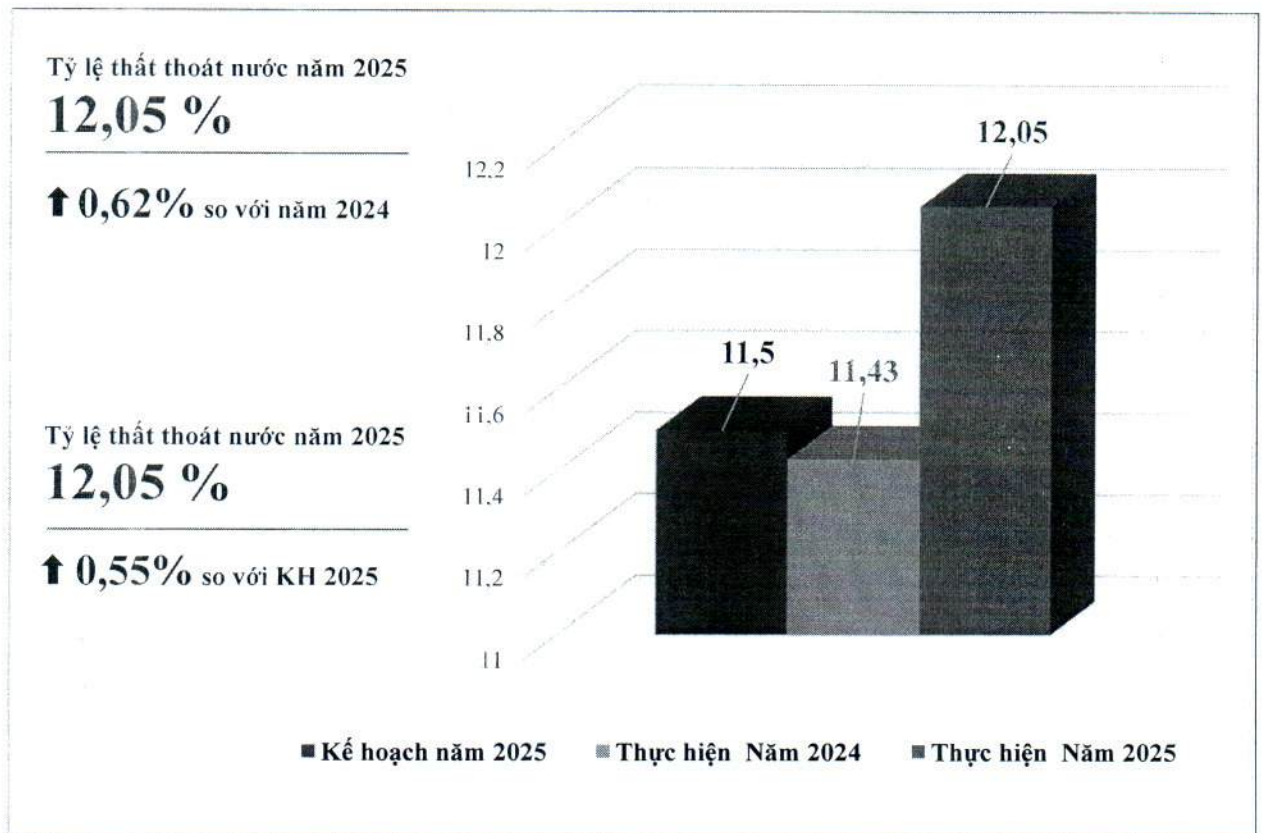
- Về công tác giảm thất thoát nước: Tỷ lệ thất thoát nước năm 2025 là **12,05%** tăng **0,62%** so với năm 2024 (**11,43%**), **tăng 0,55%** so với kế hoạch 2025 (**11,50%**).

+ Nguyên nhân:

Tỷ lệ thất thoát nước khu vực ngoài DMA vẫn còn cao, vào các tháng hè mưa nhiều kết hợp triều cường cao gây khó khăn trong công tác dò và sửa bể, cùng với sự sụt giảm sản lượng đột ngột.

Một số tuyến ống cũ, chôn sâu, địa chất yếu làm gia tăng nguy cơ xì bể, khó phát hiện và xử lý triệt để, đặc biệt, các công trình mạng lưới cấp nước ngầm chìm sâu từ 2 – 3,5m, chịu tác động của triều cường, nền địa chất yếu, mực nước ngầm cao, nhiễm phèn mặn nặng, dễ lão hóa, gây xì bể nhiều nhưng chưa đến thời hạn thay thế hoặc nâng cấp. Mưa kéo dài hơn các năm trước nên sản lượng giảm sâu làm tăng tỷ lệ thất thoát nước, kết hợp triều cường cao gây khó khăn trong công tác dò & sửa bể.

Công tác đầu tư van điều tiết áp lực chưa được đầu tư kịp thời dẫn đến việc phân bố áp lực không đồng đều trên mạng lưới (nơi quá cao: Quận 4 cũ, nơi quá thấp: Huyện Nhà Bè cũ và các Huyện vùng hạ tỉnh Tây Ninh) cũng là nguyên nhân làm gia tăng tỷ lệ thất thoát nước. Do sự sụt giảm sản lượng, công tác dò sửa bể chủ yếu tập trung trong DMA tỷ lệ sửa bể ngoài DMA vẫn thấp (tỷ lệ sửa bể trong DMA: 80,40%, ngoài DMA: 19,60%).



2. Về công tác phát triển mạng lưới và chăm sóc khách hàng:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện		Tỷ lệ	
				Năm 2024	Năm 2025	Tăng/giảm so với năm 2024	So với KH 2025
1	Gắn mới ĐHN cỡ nhỏ	Cái	1.000	1.761	1.996	13,34%	199,60%
2	Gắn mới ĐHN cỡ lớn	Cái	02	05	08	60,00%	400,00%
3	Thay ĐHN cỡ nhỏ	Cái	23.500	27.645	25.155	-9,01%	107,04%
4	Thay ĐHN cỡ lớn	Cái	32	98	37	-62,24%	115,63%

- **Về công tác phát triển khách hàng:** Trong năm 2025, Công ty đã thực hiện thi công gắn mới là **1.996** đồng hồ nước, đạt **199,6%** kế hoạch nhằm góp phần tăng thêm lượng nước tiêu thụ từ khách hàng trong khu vực quản lý. Đồng thời duy trì chỉ tiêu hộ dân được sử dụng nước sạch.

- **Về công tác thay đồng hồ nước:** Trong năm 2025, Công ty đã thực hiện thay **25.155** đồng hồ nước cỡ nhỏ, đạt **107,04%** kế hoạch và **37** đồng hồ nước cỡ lớn, đạt **115,63%** kế hoạch 2025. Việc thực hiện đẩy nhanh công tác thay đồng hồ nước vượt kế hoạch nhằm giảm sai số trong công tác đo đếm các đồng hồ nước đã đến niên hạn, đồng thời hỗ trợ công tác kiểm soát lượng nước thất thoát.

3. Về công tác thu tiền nước:

- Công tác thu tiền nước được thực hiện với số lượng hóa đơn phát hành năm 2025 là **1.709.672** hóa đơn, nhiều hơn cùng kỳ năm trước **16.259** hóa đơn. Doanh thu tiền nước năm 2025 là **901,989** tỷ đồng và đạt **100,20%** kế hoạch. Tỷ lệ thực thu năm 2025 là **99,45%** đạt **100,45%** kế hoạch, đây là kết quả đáng khích lệ.

4. Về công tác xây dựng cơ bản:

- Công ty đã thi công hoàn thành **1/3** công trình phát triển (do có 02 công trình chưa có mặt bằng và đang chờ phối hợp với dự án làm cầu) với khối lượng thực hiện là **2.560 mét** và **9/9** công trình cải tạo, với khối lượng thực hiện là **18.744 mét**. Đồng thời đã thực hiện hoàn tất dự án sửa chữa phòng làm việc tại tầng trệt Công ty. Giải ngân đạt **95,52%** so với kế hoạch.

5. Về các ứng dụng công nghệ thông tin:

- Công ty đã thực hiện hoàn thành 10/11 dự án về các ứng dụng công nghệ thông tin, dự án còn lại có thời gian thực hiện hợp đồng kéo dài, do có thiết bị nhập khẩu sẽ được nhà thầu giao vào tháng 01/2026.

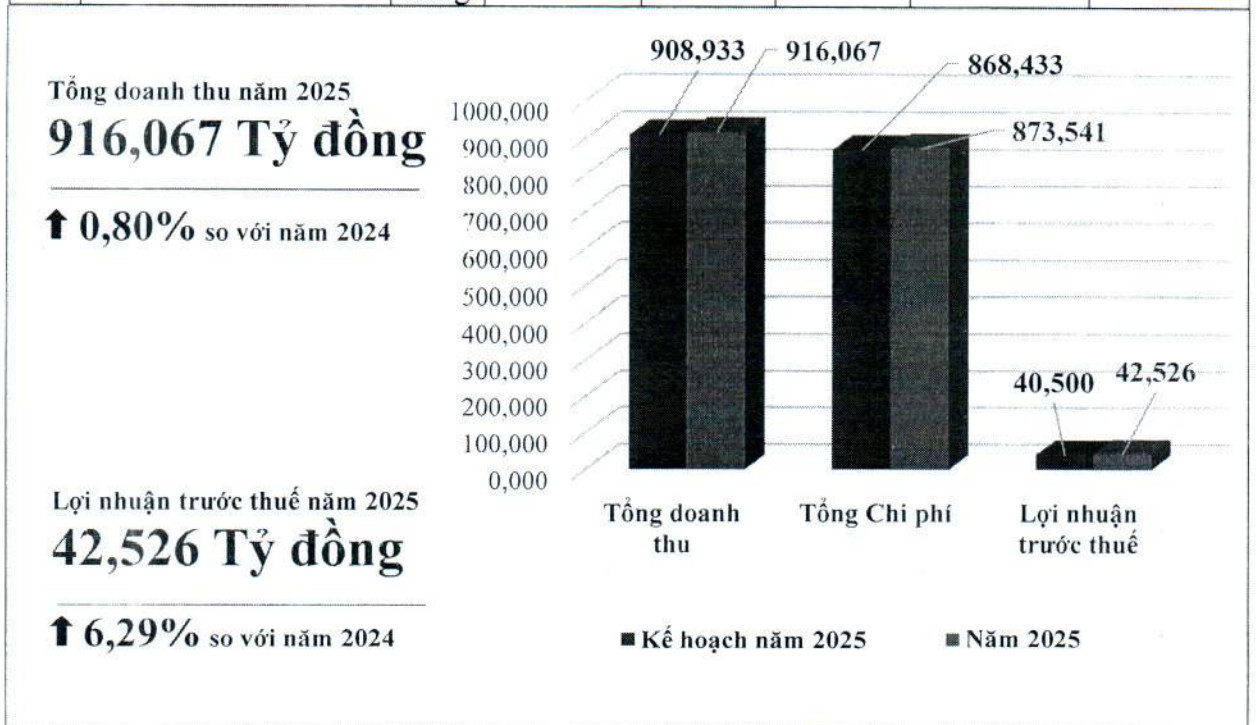
- Trong năm 2025, Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè đã đẩy mạnh các ứng dụng công nghệ thông tin: Phối hợp với TCT triển khai ứng dụng CSKH TCT, triển khai đồng bộ dữ liệu VEEAM lên trung tâm dữ liệu TCT... Thực hiện triển khai các giải pháp ứng

dụng công nghệ thông tin phục vụ hiệu quả công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh như: xây dựng phần mềm thu tiền, ứng dụng Quản lý ghi đồng hồ nước, ứng dụng Quản lý danh bộ tập trung ... khai thác Kho dữ liệu dùng chung Khối kinh doanh đã ứng dụng và hoàn thiện trong năm 2025; Tập trung đầu tư, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo an toàn hệ thống mạng và dữ liệu thông qua hệ thống UPS đảm bảo an toàn nguồn năng lượng, Hệ thống tường lửa đa cấp độ hiện đại, hệ thống máy chủ ảo... Thực hiện số hoá, triển khai đồng bộ các phần mềm nghiệp vụ, tăng cường giám sát dữ liệu phục vụ điều hành, cải cách hành chính với ứng dụng Phòng họp không giấy và công nghệ AI cơ bản đã và đang thay đổi các hoạt động của Công ty. Công tác bảo trì hoạt động ổn định, an toàn, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số của Công ty.

6. Về kết quả tài chính:

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu tài chính chủ yếu năm 2025 như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện		Tỷ lệ	
				Năm 2024	Năm 2025	Tăng/giảm so với năm 2024	So với KH 2025
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	908,933	908,768	916,067	0,80%	100,78%
	+ Doanh thu tiền nước	Tỷ đồng	900,233	899,907	901,989	0,23%	100,20%
	+ Doanh thu khác	Tỷ đồng	8,700	8,861	14,078	58,88%	161,82%
2	Tổng Chi phí	Tỷ đồng	868,433	868,757	873,541	0,55%	100,59%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	40,500	40,011	42,526	6,29%	105,00%



- Công ty thực hiện một nền tài chính lành mạnh, bảo toàn nguồn vốn; tuân thủ chế độ kế toán và chính sách thuế hiện hành, hoàn thành các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước và thực hiện theo đúng quy định Pháp luật

- Tổng doanh thu năm **2025** là **916,067 tỷ đồng**, đạt **100,78%** kế hoạch, tăng gần **7,3 tỷ đồng** so với cùng kỳ năm trước.

- Lợi nhuận trước thuế là **42,526 tỷ đồng**, đạt **105%** kế hoạch, tăng hơn **2,5 tỷ đồng** so với năm 2024.

- Bằng giải pháp kiểm soát tốt dòng tiền kinh doanh, tập trung tiết kiệm chi phí kinh doanh, nên Công ty luôn duy trì theo tiến độ hàng quý và bảo đảm hiệu quả nền tảng kinh doanh năm 2025.

7. Về công tác quản trị doanh nghiệp và thông tin cổ phiếu NBW:

- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt đã thực hiện dịch vụ kiểm soát nội bộ, đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ năm 2025 của các Phòng, Ban.

- Hoàn thành phong trào thi đua nước rút hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025.

- Thực hiện công bố thông tin đầy đủ, kịp thời theo quy định pháp luật hiện hành.

- Áp dụng hệ thống ISO 9001-2015, tổ chức đánh giá định kỳ việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quy trình thủ tục công tác của các Phòng, Ban nhằm nâng cao chất lượng làm việc và hiệu quả công tác.

- Thống kê cổ phiếu NBW được giao dịch trên thị trường chứng khoán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025 tại trang “cophieu68.vn” như sau:

+ Tổng khối lượng cổ phiếu khớp lệnh là: **433.329 cổ phiếu**.

+ Giá khớp lệnh thấp nhất là **27.800 đồng/cổ phiếu**, giá khớp lệnh cao nhất là **45.000 đồng/cổ phiếu**.

8. Đánh giá chung:

8.1 Mặt làm được:

- Thực hiện thực hiện tốt chương trình cấp nước an toàn theo kế hoạch chung của ngành nước, hoàn thành các chỉ tiêu phát triển mạng lưới và khách hàng, đảm bảo 100% hộ dân vùng phục vụ được cung cấp nước sạch và tiếp tục cấp nước ổn định đến các vùng hạ, tỉnh Tây Ninh (Huyện cần Giuộc, tỉnh Long An cũ);

- Hoàn thành vượt các chỉ tiêu về doanh thu, giá bán bình quân, tỷ lệ thực thu, gán mới ĐHN, thay ĐHN định kỳ. Công ty chủ động triển khai tích cực các giải pháp làm việc trực tuyến và khai thác được ứng dụng công nghệ trong quản lý cấp nước; giải quyết nhanh hồ sơ khách hàng qua kênh trực tuyến; kiểm soát được dữ liệu kinh doanh và việc sử dụng nước của khách hàng;

- Công ty luôn xây dựng một nền tài chính lành mạnh, cân đối sử dụng hợp lý chặt chẽ nguồn vốn, đảm bảo hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty, doanh thu, lợi nhuận đều đạt so với kế hoạch. Hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước đầy đủ, công tác tài chính đúng quy định Pháp luật.

8.2 Mặt hạn chế:

- Sản lượng nước năm 2025 vẫn chưa đạt như kỳ vọng (đạt **98,45%** so với kế hoạch); tỷ lệ thất thoát nước còn cao so với kế hoạch (tăng **0,55%** so với kế hoạch là **11,5%**).
- Tiến độ phát triển mạng lưới cấp nước đạt yêu cầu, tuy nhiên còn 02 công trình chưa triển khai đúng kế hoạch do phải phối hợp với tiến độ làm cầu. Một số khu vực cuối nguồn, áp lực còn yếu trong giờ cao điểm. Công tác đầu tư xây dựng cơ bản, sửa chữa ống mục, giải ngân vốn đầu tư đạt **95,52%** so với kế hoạch năm 2025.

II. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP NĂM 2026:

Ban Lãnh đạo Công ty tập trung tổ chức thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh – tài chính năm 2026 theo các định hướng chủ yếu sau:

- Bảo đảm cung cấp nước sạch **an toàn, liên tục và ổn định** cho người dân trên địa bàn quản lý; duy trì tỷ lệ 100% hộ dân được cấp nước sạch, đồng thời từng bước mở rộng phạm vi cấp nước sang một phần xã Cần Giuộc, tỉnh Tây Ninh theo định hướng phát triển.
- Chủ động xây dựng và điều hành kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp với đặc thù địa bàn và biến động nhu cầu sử dụng nước; tập trung đẩy nhanh tiến độ các công trình đầu tư xây dựng cơ bản nhằm gia tăng sản lượng, nâng cao năng lực cung ứng và đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được giao.
- Phân đầu hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh – tài chính năm 2026 do Hội đồng quản trị phê duyệt và Tổng Công ty giao; đảm bảo hiệu quả hoạt động, duy trì lợi nhuận theo kế hoạch, nâng cao thu nhập và chăm lo đời sống người lao động.
- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ thông tin trong quản lý, vận hành hệ thống cấp nước; hiện đại hóa quy trình sản xuất kinh doanh, nâng cao hiệu quả kiểm soát áp lực, chất lượng nước và giảm thất thoát. Tăng cường chuyển đổi số, phát triển các dịch vụ trực tuyến nhằm nâng cao trải nghiệm và sự hài lòng của khách hàng.
- Công ty luôn xây dựng một nền tài chính lành mạnh, cân đối sử dụng hợp lý chặt chẽ nguồn vốn, đảm bảo hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty, doanh thu, lợi nhuận sẽ đạt so với kế hoạch. Hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước đầy đủ, công tác tài chính đúng quy định Pháp luật. Đảm bảo thu nhập của người lao động.

GIẢI PHÁP THỰC HIỆN:

Để thực hiện hiệu quả các mục tiêu đề ra, Công ty tập trung triển khai một số giải pháp trọng tâm sau:

- Xây dựng và điều hành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh – tài chính phù hợp với tình hình thực tế; tăng cường công tác theo dõi, đánh giá định kỳ về sản lượng, tăng ngày đọc số; kiểm soát giá bán bình quân để đạt doanh thu, chi phí và hiệu quả hoạt động nhằm đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận theo kế hoạch.
- Hoàn thiện và mở rộng các tiểu vùng DMA trên địa bàn quản lý để kiểm soát chặt chẽ nước thất thoát, nâng cao độ chính xác trong quản lý mạng lưới và góp phần gia tăng sản lượng, doanh thu. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình đầu tư xây dựng cơ bản

và mua sắm thiết bị; tăng cường giám sát tiến độ, chất lượng thi công và hiệu quả sử dụng vốn đầu tư.

- Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ thông tin trong quản lý mạng lưới cấp nước, kiểm soát áp lực và chất lượng nước; triển khai các giải pháp kỹ thuật nhằm giảm tỷ lệ thất thoát, nâng cao hiệu quả vận hành hệ thống.

- Tổ chức triển khai các công tác, giải pháp để thực hiện giảm tỷ lệ thất thoát nước: kiểm soát thất thoát nước trong DMA, thực hiện đấu nối mạng lưới nhằm tăng tỷ lệ bao phủ ĐHN trong DMA. Công tác dò sửa bể cũng được Công ty chú trọng nhằm đảm bảo mục tiêu kép là đảm bảo cấp nước và giảm tỷ lệ thất thoát nước.

- Tập trung khắc phục các khu vực cuối nguồn có áp lực nước yếu; tăng cường kiểm tra, phát hiện và xử lý kịp thời các điểm rò rỉ, thất thoát. Đầu tư đồng bộ các giải pháp kỹ thuật như van điều tiết áp lực, trạm bơm tăng áp và nâng cấp, thực hiện khai thác hệ thống SCADA và lắp đặt vận hành thêm hệ thống van PRV để theo dõi các chỉ tiêu áp lực, lưu lượng nước.

- Đầu tư triệt để nâng cấp và thay thế những khu vực có tuyến ống chưa phù hợp (nhu cầu lớn nhưng đường kính ống hiện hữu không đáp ứng), những tuyến ống sâu khó khăn trong công tác khai thác, dò và sửa bể nhằm nâng cao hiệu quả vận hành hệ thống.

- Tiếp tục triển khai ký kết hợp đồng điện tử, văn phòng điện tử và cải cách thủ tục hành chính; phổ biến rộng rãi các kênh dịch vụ số, đặc biệt là ứng dụng chăm sóc khách hàng SAWACO CSKH, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ và tính minh bạch trong hoạt động cung cấp dịch vụ.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động sản xuất - kinh doanh - tài chính năm 2025 và kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè phê duyệt các chỉ tiêu chủ yếu theo phương hướng nhiệm vụ năm 2026. Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè luôn phấn đấu mọi nguồn lực để hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 với khẩu hiệu: “Giọt nước từ tâm – Nâng tầm giá trị”.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ Công ty;
- HĐQT Công ty;
- Ban Kiểm soát Công ty;
- Ban Điều hành Công ty;
- Các Phòng, Ban;
- Lưu VT, P.KHVTTH.



GIÁM ĐỐC

Dương Văn Hòa

Phụ lục 1
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2025
 (kèm theo Báo cáo số 941/BC-CNNB ngày 02 tháng 4 năm 2026)

Stt	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện		Tỷ Lệ	
				Năm 2024	Năm 2025	Tăng/giảm so với năm 2024	So với KH 2025
A	SẢN XUẤT – KINH DOANH						
1	Sản lượng nước tiêu thụ	1.000 m ³	72.500	72.407	71.378	-1,42%	98,45%
2	Doanh thu tiền nước	Tỷ đồng	900,233	899,907	901,989	0,23%	100,20%
3	Tỷ lệ thực thu đương niên	%	99	99,59	99,45	-0,14%	100,45%
4	Gắn mới ĐHN cỡ nhỏ	Cái	1.000	1.761	1.996	13,34%	199,60%
5	Gắn mới ĐHN cỡ lớn	Cái	2	5	8	60,00%	400,00%
6	Thay ĐHN cỡ nhỏ	Cái	23.500	27.645	25.155	-9,01%	107,04%
7	Thay ĐHN cỡ lớn	Cái	32	98	37	-62,24%	115,63%
8	Tỷ lệ thất thoát nước	%	11,5	11,43	12,05	0,62%	0,55%
9	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch	%	100	100	100	-	-
B	ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN						
B1	B1. Vốn kinh doanh						
1	<i>Phát triển mạng lưới</i>						
	Khối lượng	mét	4.258	2.386	2.560	7,29%	60,12%
	Giá trị khối lượng	Tỷ đồng	5,224	4,321	3,414	-20,99%	65,35%
	Giá trị giải ngân	Tỷ đồng	3,274	3,968	3,185	-19,73%	97,28%
2	<i>Sửa chữa ống mục</i>						
	Khối lượng	mét	18.744	17.774	18.744	5,46%	100,00%
	Hầm đồng hồ tổng	hầm	1	5	1	-80,00%	100,00%
	Nắp hầm đồng hồ tổng	Nắp	38	-	38	-	100,00%
	Giá trị khối lượng	Tỷ đồng	37,288	42,709	37,589	-11,99%	100,81%
	Giá trị giải ngân	Tỷ đồng	31,001	55,9	29,768	-46,75%	96,02%
B2	B2. Vốn sửa chữa						
	Giá trị khối lượng	Tỷ đồng	3,600	4,409	3,600	-18,35%	100,00%
	Giá trị giải ngân	Tỷ đồng	3,060	4,068	2,711	-33,36%	88,59%
C	MUA SẴM VẬT TƯ THIẾT BỊ						
1	Mua sắm vật tư giảm thất thoát nước	Tỷ đồng	10,909	7,776	8,524	9,62%	78,14%

Stt	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện		Tỷ Lệ	
				Năm 2024	Năm 2025	Tăng/giảm so với năm 2024	So với KH 2025
2	Mua sắm công nghệ thông tin	Tỷ đồng	21,417	4,185	14,806	253,79%	69,13%
3	Mua sắm đồng hồ nước và phụ tùng						
	Đồng hồ nước cỡ nhỏ	Cái	25.516	27.645	25.550	-7,58%	101,35%
	Đồng hồ nước cỡ lớn	Cái	35	100	45	-55,00%	128,57%
D	SỬA CHỮA NỘI BỘ VÀ TRANG THIẾT BỊ						
1	Trang bị nước uống tại vòi cho CB CNV	Tỷ đồng	0,15		0,091	-	Hoàn thành
2	Thay thế các thiết bị đóng ngắt điện các tầng, phòng làm việc trong khuôn viên trụ sở	Tỷ đồng	0,21		-	-	-
3	Di dời kho vật tư ra khỏi tầng hầm	Tỷ đồng	0,30		-	-	-
4	Mua sắm vật dụng làm việc các sửa chữa nhỏ trong trụ sở	Tỷ đồng	0,15		0,87	-	580,00%
E	TÀI CHÍNH						
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	908,933	908,768	916,067	0,80%	100,78%
2	Tổng chi phí	Tỷ đồng	868,433	868,757	873,541	0,55%	100,59%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	40,500	40,011	42,526	6,29%	105,00%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	31,800	30,307	31,876	5,18%	100,24%



Phụ lục 2

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT - KINH DOANH - TÀI CHÍNH NĂM 2026

(kèm theo Báo cáo số 941/BC-CNNB ngày 02 tháng 4 năm 2026)

Stt	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2026	Tỷ lệ tăng trưởng so với TH 2025
A	SẢN XUẤT-KINH DOANH:				
1	Sản lượng nước tiêu thụ	1.000 m ³	71.378	72.000	0,87%
2	Doanh thu tiền nước	Tỷ đồng	901,989	911,736	1,08%
3	Tỉ lệ thất thoát nước	%	12,05	11,5	-0,55%
4	Tỉ lệ hộ dân được cấp nước sạch	%	100	100	-
B	TÀI CHÍNH				
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	916,067	916,736	0,07%
2	Tổng chi phí	Tỷ đồng	873,541	873,956	0,05%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	42,526	42,779	0,60%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	31,876	32,023	0,46%

Số: **0942**/BC-CNNB

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO

Hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2025 và phương hướng hoạt động năm 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-CNNB-ĐHĐCĐ ngày 26/6/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè báo cáo tình hình hoạt động của Công ty năm 2025 và phương hướng hoạt động năm 2026 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025

1) Hội đồng quản trị và các hoạt động năm 2025

Hội đồng quản trị hiện nay của Công ty gồm 07 thành viên đại diện cho 3 cổ đông lớn gồm Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV (Sawaco), Công ty TNHH Nước sạch REE (REE Water) và Ngân hàng TNHH MTV Số Vikki (Vikki Bank), cụ thể như sau:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Cổ phần sở hữu		Cổ phần đại diện sở hữu		Ghi chú
			Số lượng	Ti lệ (%)	Số lượng	Ti lệ (%)	
1	Huỳnh Hào Tài	Chủ tịch	0	0	1.456.318 (Sawaco)	13,36	
2	Lý Thành Tài	Thành viên	17.700	0,16	1.456.318 (Sawaco)	13,36	Miễn nhiệm ngày 26/6/2025
3	Bùi Thanh Giang	Thành viên	0	0	1.456.318 (Sawaco)	13,36	Miễn nhiệm ngày 26/6/2025
4	Lý Bửu Nghĩa	Thành viên	0	0	1.456.318 (Sawaco)	13,36	Miễn nhiệm ngày 26/6/2025
5	Lục Chánh Trường	Thành viên	0	0	2.182.000 (REE Water)	20,02	
6	Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	0	0			

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Cổ phần sở hữu		Cổ phần đại diện sở hữu		Ghi chú
			Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	
7	Võ Tấn Bảo Quang	Thành viên	0	0	1.090.000 (Đông Á Bank)		Miễn nhiệm ngày 26/6/2025
8	Dương Văn Hòa	Thành viên	1.300	0,012	1.456.318 (Sawaco)	13,36	Bổ nhiệm ngày 26/6/2025
9	Nguyễn Văn Đăng	Thành viên	0	0	1.456.318 (Sawaco)	13,36	Bổ nhiệm ngày 26/6/2025
10	Vũ Thị Tố Chinh	Thành viên	0	0	1.456.318 (Sawaco)	13,36	Bổ nhiệm ngày 26/6/2025
11	Nguyễn Hữu Trí	Thành viên	0	0	1.090.000 (Vikki Bank)	10,00	Bổ nhiệm ngày 26/6/2025

Hội đồng quản trị hoạt động theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số, thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và quy định của pháp luật. Thành viên Hội đồng quản trị là những người có nhiều kinh nghiệm trong công tác quản trị doanh nghiệp và có tâm huyết đối với các hoạt động tại Công ty. Các thành viên Hội đồng quản trị tham dự đầy đủ các phiên họp và thể hiện được tinh thần trách nhiệm, tính cẩn trọng và thực hiện đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã tổ chức thành công cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên vào ngày 26/6/2025. Đại hội đồng cổ đông đã thông qua Nghị quyết số 05/NQ-CNNB-ĐHĐCĐ ngày 26/6/2025 làm cơ sở để Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc tổ chức thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm tài chính 2025.

2) Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã tổ chức 6 phiên họp, 5 lần lấy ý kiến bằng văn bản; ban hành 13 Nghị quyết để thực hiện chỉ đạo, định hướng, giám sát thường xuyên đối với Ban Giám đốc trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể:

- Xem xét, đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2024 và hàng quý năm 2025; kế hoạch sản xuất - kinh doanh - tài chính, kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm năm 2025.

- Thông qua quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2024; kế hoạch lao động và quỹ tiền lương, thù lao năm 2025.

- Thông qua các giao dịch với các bên có liên quan năm 2024 và phê duyệt các giao dịch năm 2025.

- Xem xét phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

- Thông qua nội dung, tài liệu và công tác tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

- Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; triển khai công tác kiểm toán nội bộ tại Công ty.

- Giám sát việc thực hiện các chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm vật tư, trang thiết bị; thực hiện các chỉ tiêu tài chính, phân bổ và sử dụng nguồn lực tài chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Giám sát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và mục tiêu, định hướng của Công ty và việc thực hiện các quy chế nội bộ của Công ty.

- Xem xét điều chỉnh bổ sung kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm năm 2025.

- Theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đã xem xét, quyết định giá mua sỉ nước sạch năm 2025 và giám sát việc thực hiện hợp đồng mua bán sỉ nước sạch giữa Công ty và Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV.

- Chủ tịch Hội đồng quản trị tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp với Ban Giám đốc Công ty và các phiên họp giao ban hằng tháng của Giám đốc với các phòng, ban chuyên môn để triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty; kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh để bảo đảm thực hiện đúng mục tiêu, định hướng của Công ty đã đề ra.

3) Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	Số 22/NQ- CNNB-HĐQT	04/3/2025	Thông qua các nội dung: - Báo cáo kết quả sản xuất - kinh doanh - tài chính Quý 4 năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2025; - Báo cáo về kế hoạch phát triển công nghệ thông tin năm 2025; - Đề án chuyển đổi số của Công ty giai đoạn 2025 - 2030;	100%

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			<ul style="list-style-type: none"> - Điều chỉnh đơn giá mua bán sỉ nước sạch năm 2024; - Đơn giá mua bán sỉ nước sạch năm 2025; - Kết quả thực hiện các giao dịch giữa Công ty và bên có liên quan năm 2024; - Chấm dứt hoạt động địa điểm kinh doanh khu vực Nhà Bè; - Kế hoạch tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. 	
2	Số 23/NQ- CNNB-HĐQT	31/3/2025	<p>Thông qua các nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả sản xuất - kinh doanh - tài chính năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2025. - Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2024; - Phê duyệt các giao dịch với bên liên quan năm 2025; - Chương trình họp, các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 theo quy định của Điều lệ Công ty. 	100%
3	Số 24/NQ- CNNB-HĐQT	01/4/2025	Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, trích lập quỹ và chi trả cổ tức năm 2024.	100%
4	Số 25/NQ- CNNB-HĐQT	17/4/2025	Thông qua việc điều chỉnh thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 từ ngày 22/4/2025 sang tháng 6/2025.	100%
5	Số 26/NQ- CNNB-HĐQT	02/6/2025	Thông qua công tác chuẩn bị và điều chỉnh thời gian họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 vào ngày 26/6/2025.	100%

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
6	Số 27/NQ- CNNB-HĐQT	26/6/2025	Thông qua việc thay đổi Giám đốc Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè: miễn nhiệm chức vụ Giám đốc đối với Ông Lý Thành Tài kể từ ngày 26/6/2025; bổ nhiệm Ông Dương Văn Hòa giữ chức vụ Giám đốc Công ty kể từ ngày 26/6/2025, thời hạn bổ nhiệm cho đến hết nhiệm kỳ 2022 – 2027 của HĐQT.	100%
7	Số 28/NQ- CNNB-HĐQT	04/7/2025	Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty năm 2025	100%
8	Số 29/NQ- CNNB-HĐQT	07/7/2025	Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 27/NQ-CNNB-HĐQT ngày 26/6/2025	100%
9	Số 30/NQ- CNNB-HĐQT	14/8/2025	Thông qua các nội dung: <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả sản xuất - kinh doanh - tài chính 6 tháng đầu năm 2025 và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2025; - Tiếp tục duy trì hoạt động Địa điểm kinh doanh khu vực Nhà Bè, đồng thời đổi tên thành Địa điểm kinh doanh Khu vực Hiệp Phước; - Thay đổi mẫu dấu tròn của Công ty; - Điều chỉnh kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2025; - Giao Giám đốc Công ty xây dựng kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản giai đoạn 2026 – 2030. 	100%
10	Số 31/NQ- CNNB-HĐQT	12/9/2025	Thông qua việc điều chỉnh, bổ sung dự án và phân bổ nguồn vốn mua sắm công nghệ thông tin năm 2025.	100%

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
11	Số 32/NQ- CNNB-HĐQT	08/10/2025	Thông qua việc bổ sung kế hoạch mua sắm vật tư giảm thất thoát nước năm 2025.	100%
12	Số 33/NQ- CNNB-HĐQT	18/11/2025	<p>Thông qua các nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả sản xuất - kinh doanh - tài chính 9 tháng đầu năm 2025 và phương hướng, nhiệm vụ 3 tháng cuối năm 2025; - Phê duyệt hợp đồng nhượng quyền sang nhượng bản quyền phần mềm ArcGis với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn; - Thay đổi tên một số phòng chuyên môn của Công ty; - Kế hoạch mua sắm vật tư trang thiết bị năm 2026; - Thống nhất chủ trương và giao Giám đốc thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư xây dựng cơ bản năm 2026 và hồ sơ vay vốn để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026; - Kế hoạch lao động và quỹ tiền lương của người lao động, quỹ tiền lương và thù lao của người quản lý năm 2025; - Quy chế quản lý tài chính của Công ty. 	100%
13	Số 34/NQ- CNNB-HĐQT	26/12/2025	Thông qua hệ thống thang lương, bảng lương và các quy chế về quản lý tiền lương, thưởng, phúc lợi.	100%

4) Kết quả thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2025

4.1 Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025:

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu năm 2025 của Công ty như sau:

Stt	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện		Tỷ lệ	
				Năm 2024	Năm 2025	Tăng/giảm so với 2024	So với KH 2025
A	SẢN XUẤT – KINH DOANH						
1	Sản lượng nước tiêu thụ	1.000 m ³	72.500	72.407	71.378	-1,42%	98,45%
2	Doanh thu tiền nước	Tỷ đồng	900,23	899,91	901,99	0,23%	100,20%
3	Tỷ lệ thất thoát nước	%	11,5	11,43	12,05	-0,62%	95,43%
4	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch	%	100	100	100	-	-
B	TÀI CHÍNH						
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	908,93	908,77	916,07	0,80%	100,78%
2	Tổng chi phí	Tỷ đồng	868,43	868,76	873,54	0,55%	100,59%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	40,50	40,01	42,53	6,29%	105,00%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	31,80	30,31	31,88	5,18%	100,24%

Công ty thực hiện tốt chương trình cấp nước an toàn trên địa bàn kinh doanh của Công ty; phát triển mạng lưới cấp nước và kịp thời triển khai gắn đồng hồ nước đáp ứng nhu cầu của khách hàng; đảm bảo duy trì tỉ lệ 100% hộ dân được cung cấp nước sạch.

Sản lượng tiêu thụ chưa đạt như kỳ vọng do một số nguyên nhân: nhóm đối tượng kinh doanh dịch vụ có nhiều nơi trả mặt bằng, ngừng kinh doanh, một số khách hàng lớn (trong đó có Phú Mỹ Hưng) giảm sản lượng tiêu thụ; phí dịch vụ thoát nước tăng (hiện nay là 30% giá nước) nên khách hàng sử dụng nước có khuynh hướng tiết kiệm hơn; địa bàn cuối nguồn gặp nhiều khó khăn do áp lực nước yếu ở một số khu vực vào giờ cao điểm (cơ sở ống mạng phân phối chưa truyền tải đủ lượng nước theo nhu cầu sử dụng); đặc biệt trong các tháng nắng nóng vào mùa khô.

Tỉ lệ thất thoát nước cao hơn kế hoạch đề ra. Nguyên nhân khách quan là do một số tuyến ống cũ, chôn sâu, địa chất yếu làm gia tăng nguy cơ xì bể, khó phát hiện và xử lý triệt để, đặc biệt, các công trình mạng lưới cấp nước ngầm chìm sâu từ 2 - 3,5m, chịu tác động của triều cường, nền địa chất yếu, mực nước ngầm cao, nhiễm phèn mặn nặng, dễ lão hóa, gây xì bể nhiều nhưng chưa đến thời hạn thay thế hoặc nâng cấp. Về mặt chủ quan là do công tác đầu tư van điều tiết áp lực chưa được đầu tư kịp thời dẫn đến việc phân bố áp lực không đồng đều trên mạng lưới (nơi quá cao: Quận 4 cũ, nơi quá thấp: Huyện Nhà Bè cũ và các Huyện vùng hạ tỉnh Tây Ninh) cũng là nguyên nhân làm gia tăng tỷ lệ thất thoát nước. Do sự sụt giảm sản lượng, công tác dò sửa bể chủ yếu tập trung trong DMA tỷ lệ sửa bể ngoài DMA vẫn thấp (tỷ lệ sửa bể trong DMA: 80,40%, ngoài DMA: 19,60%).

Mặc dù sản lượng nước và tỷ lệ thất thoát nước chưa đạt như kỳ vọng, tuy nhiên nhờ tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, truy thu lượng nước thất thoát và áp dụng đúng giá biểu, định mức nước đã góp phần nâng giá bán bình quân; qua đó doanh thu tiền nước đạt 901,99 tỷ đồng, đạt 100,20% kế hoạch năm.

Công ty thực hiện quản lý tài chính theo hướng lành mạnh, bảo toàn và phát triển nguồn vốn; tuân thủ đầy đủ chế độ kế toán, chính sách thuế hiện hành; thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, Công ty đã triển khai các giải pháp kiểm soát chặt chẽ dòng tiền trong hoạt động kinh doanh, tăng cường tiết kiệm chi phí, qua đó duy trì ổn định hoạt động tài chính theo tiến độ từng quý và bảo đảm hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2025.

Kết quả tài chính năm 2025: tổng doanh thu 916,07 tỷ đồng, đạt 100,78% kế hoạch; lợi nhuận trước thuế 42,53 tỷ đồng, đạt 105,00% kế hoạch.

Đánh giá

- Năm 2025, mặc dù sản lượng nước tiêu thụ và tỷ lệ thất thoát nước chưa đạt kế hoạch đề ra, tuy nhiên nhờ thực hiện tốt công tác quản lý định mức, áp dụng giá biểu nhằm nâng giá bán bình quân, qua đó góp phần tăng doanh thu, nên tổng doanh thu và lợi nhuận sau thuế của Công ty vẫn vượt kế hoạch. Bên cạnh đó, Công ty luôn bảo đảm cung cấp nước an toàn, liên tục trên địa bàn phục vụ, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của người dân và khách hàng, đồng thời duy trì mục tiêu 100% hộ dân trong vùng phục vụ được sử dụng nước sạch.

- Công ty quản lý tài chính chặt chẽ, bảo toàn và phát triển nguồn vốn, tài sản; duy trì hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, góp phần gia tăng lợi nhuận, bảo đảm lợi ích của cổ đông và từng bước nâng cao thu nhập cho người lao động.

4.2 Chi trả cổ tức năm 2025:

Thực hiện theo Điều 6 Nghị quyết số 05/NQ-CNNB-ĐHĐCĐ ngày 26/6/2025 Công ty trả cổ tức bằng tiền với tỉ lệ 18,82149% vốn điều lệ, tổng số tiền cổ tức chi trả là 20.515.432.074 đồng. Thời gian thực hiện được chia làm 2 đợt: đợt 1 chia 16% vốn điều lệ, chi trả ngày 30/9/2025, đợt 2 chia 2,82149% vốn điều lệ, chi trả ngày 29/12/2025.

4.3 Giao dịch với các đối tượng là người có liên quan của Công ty:

- Giao dịch có giá trị từ 35% giá trị tài sản của Công ty trở lên: Theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 và năm 2025, Hội đồng quản trị đã xem xét và thông qua đơn giá mua bán sỉ nước sạch năm 2025. Công ty thực hiện hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2025 với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV (cổ đông lớn nắm giữ 53,44% vốn điều lệ Công ty) với giá trị giao dịch là 642.17 tỷ đồng.

- Giao dịch có giá trị dưới 35% giá trị tài sản của Công ty: Hội đồng quản trị đã thông qua các giao dịch với các đối tượng là người có liên quan của Công ty (Nghị quyết số 23/NQ-CNNB-HĐQT ngày 31/3/2025 và Nghị quyết số 33/NQ-CNNB-HĐQT ngày 18/11/2025). Chi tiết như nêu tại Phụ lục đính kèm.

4.4 Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025:

Dựa trên danh sách 03 đơn vị kiểm toán đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Hội đồng quản trị đã xem xét và lựa chọn Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC để

kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính của Công ty trong năm tài chính 2025 (Nghị quyết số 28/NQ-CNNB-HĐQT ngày 04/7/2025).

4.5 Lương, thù lao của người quản lý Công ty năm 2025 :

Chế độ tiền lương, thù lao của người quản lý Công ty được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong nghiệp Nhà nước và Thông tư số 003/2025/TT-BNV ngày 28/4/2025 của Bộ Nội vụ.

Đối với người quản lý chuyên trách gồm có Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán Trưởng, tiền lương áp dụng theo hệ thống thang, bảng lương hiện hành của Công ty; đối với người quản lý không chuyên trách, thù lao thực hiện theo Nghị quyết số 05/NQ-CNNB-DHĐCĐ ngày 26/6/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, trong đó: Thành viên Hội đồng quản trị là 7 triệu đồng/tháng/người và Kiểm soát viên là 3,5 triệu đồng/tháng/người.

Thu nhập của người quản lý Công ty năm 2025:

Số TT	Họ tên	Chức danh	Số tiền (VNĐ)	Ghi chú
1	Ông Huỳnh Hào Tài	Chủ tịch HĐQT	674.369.682	
2	Ông Lý Thành Tài	TV HĐQT, Giám đốc	400.542.818	Miễn nhiệm ngày 26/6/2025
3	Ông Bùi Thanh Giang	TV. HĐQT	52.822.196	Miễn nhiệm ngày 26/6/2025
4	Ông Lý Bửu Nghĩa	TV. HĐQT	52.822.196	Miễn nhiệm ngày 26/6/2025
5	Ông Lục Chánh Trường	TV. HĐQT	94.822.196	Chuyển về REE Water
6	Ông Nguyễn Anh Tuấn	TV. HĐQT	94.822.196	Chuyển về REE Water
7	Ông Võ Tấn Bảo Quang	TV. HĐQT	52.822.196	Miễn nhiệm ngày 26/6/2025
8	Ông Dương Văn Hòa	TV HĐQT, Giám đốc	332.611.200	Bỏ nhiệm ngày 26/6/2025
9	Ông Nguyễn Văn Đăng	TV. HĐQT	42.000.000	Bỏ nhiệm ngày 26/6/2025
10	Bà Vũ Thị Tố Chinh	TV. HĐQT	42.000.000	Bỏ nhiệm ngày 26/6/2025
11	Ông Nguyễn Hữu Trí	TV. HĐQT	42.000.000	Bỏ nhiệm ngày 26/6/2025
12	Ông Nguyễn Ngọc Thanh	Phó Giám đốc	574.300.267	
13	Bà Nguyễn Ngọc Trang	Phó Giám đốc	574.300.267	

Số TT	Họ tên	Chức danh	Số tiền (VNĐ)	Ghi chú
14	Ông Nguyễn Hoàng Tuấn	Phó Giám đốc	574.300.267	
15	Bà Võ Thị Cẩm Tú	Trưởng Ban kiểm soát	574.300.267	
16	Bà Phạm Thị Phương Linh	Kiểm soát viên	47.411.099	
17	Bà Nguyễn Thị Ngọc Oanh	Kiểm soát viên	47.411.098	Chuyển về REE Water
18	Ông Nguyễn Hoàng Lam	Kiểm soát viên	47.411.099	
19	Bà Nguyễn Ngọc Ngà	Kiểm soát viên	47.411.099	

5) Đánh giá công tác điều hành của Ban Giám đốc

Năm 2025 có sự thay đổi nhân sự đối với chức danh Giám đốc Công ty theo Nghị quyết số 27/NQ-CNNB-HDQT ngày 26/6/2025. Theo đó ông Dương Văn Hòa được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Công ty thay thế cho ông Lý Thành Tài.

Giám đốc Công ty thể hiện đúng mối quan hệ công tác với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và theo ủy quyền của Hội đồng quản trị Công ty đối với các giao dịch mua bán với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn Trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

Trong quản trị doanh nghiệp, Giám đốc Công ty đã thực hiện đúng quy định pháp luật hiện hành về chế độ tài chính, nghĩa vụ thuế và phí bảo hiểm. Trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, Giám đốc Công ty thể hiện tốt vai trò chỉ huy; chỉ đạo tổ chức triển khai tích cực các giải pháp hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm gia tăng sản lượng và doanh thu; giảm nước thất thoát, thất thu; kiểm soát tốt chi phí, bảo toàn nguồn vốn, gia tăng lợi nhuận, bảo đảm hiệu quả kinh doanh theo định hướng, chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty đã đề ra.

Giám đốc Công ty có sự phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các Phó Giám đốc và các Phòng, Ban chuyên môn. Các thành viên Ban Giám đốc có năng lực công tác tốt, có chuyên môn giỏi, được tập thể người lao động tin nhiệm và thể hiện được tính thống nhất trong các quyết định thuộc các lĩnh vực chuyên môn cấp nước về mặt kinh doanh và kỹ thuật. Ban Giám đốc đã lãnh đạo điều hành Công ty thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 với kết quả lợi nhuận sau thuế vượt mức mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

II. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2026

Trong năm 2026, Hội đồng quản trị tập trung chỉ đạo và giám sát Ban Điều hành triển khai thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh – tài chính theo các định hướng chủ yếu sau:

- Chỉ đạo Ban Điều hành tổ chức vận hành hệ thống cấp nước an toàn, liên tục và ổn định, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của người dân và khách hàng trên địa bàn quản

lý; duy trì mục tiêu 100% hộ dân trong vùng phục vụ được sử dụng nước sạch, đồng thời từng bước mở rộng phạm vi cấp nước theo định hướng phát triển của Công ty.

- Chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp với đặc thù địa bàn và nhu cầu sử dụng nước; tập trung đẩy nhanh tiến độ các dự án đầu tư xây dựng cơ bản nhằm nâng cao năng lực cung ứng, gia tăng sản lượng và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được giao.

- Giám sát việc thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh – tài chính năm 2026; bảo đảm hoạt động của Công ty hiệu quả, duy trì mức lợi nhuận theo kế hoạch, bảo đảm lợi ích của cổ đông và từng bước nâng cao thu nhập, đời sống cho người lao động.

- Định hướng đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ và công nghệ thông tin trong quản lý, vận hành hệ thống cấp nước; thúc đẩy chuyển đổi số, hiện đại hóa hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao hiệu quả quản lý, giảm thất thoát nước và nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng.

- Chỉ đạo tăng cường công tác quản lý kỹ thuật hệ thống cấp nước, tập trung khắc phục các khu vực áp lực nước yếu, kiểm soát rò rỉ và thất thoát; triển khai các giải pháp kỹ thuật nhằm nâng cao hiệu quả vận hành và từng bước giảm tỷ lệ thất thoát nước.

- Tiếp tục chỉ đạo triển khai các giải pháp cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng văn phòng điện tử, hợp đồng điện tử và phát triển các dịch vụ khách hàng trực tuyến nhằm nâng cao chất lượng phục vụ và sự hài lòng của khách hàng.

- Chỉ đạo thực hiện quản lý tài chính theo hướng an toàn, lành mạnh; sử dụng hiệu quả nguồn vốn và tài sản của Công ty; bảo đảm hoàn thành nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật, đồng thời duy trì hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và ổn định thu nhập cho người lao động.

Trên đây là báo cáo của Hội đồng quản trị về hoạt động năm 2025 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2026. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ Cty;
- TV. HĐQT Cty;
- Kiểm soát viên Cty;
- Ban Giám đốc Cty;
- Lưu VT, HS.HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Huỳnh Hảo Tài

**Phụ lục** **GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI ĐỐI TƯỢNG LÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY NĂM 2025***(Kèm theo Báo cáo số 942/BC-CNNB ngày 02/4/2026 của Hội đồng quản trị Công ty)*

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1	Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	Công ty mẹ	Số 0301129367, ngày cấp 05/11/2025, nơi cấp: Sở Tài chính Tp.HCM	Số 01 Công trường Quốc tế, Phường Xuân Hòa, Tp.HCM	Năm 2025	Nghị quyết số 04/NQ-CNNB-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2024; 05/NQ-CNNB-ĐHĐCĐ ngày 26/6/2025; số và số 23/NQ-CNNB-HĐQT ngày 31/3/2025	Hợp đồng mua bán si nước sạch năm 2025; giá trị GD 642,172,41 triệu đồng	
2	Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	Công ty mẹ	Số 0301129367, ngày cấp 05/11/2025, nơi cấp: Sở Tài chính Tp.HCM	Số 01 Công trường Quốc tế, Phường Xuân Hòa, Tp.HCM	Năm 2025	Nghị quyết số 23/NQ-CNNB-HĐQT ngày 31/3/2025	Thỏa thuận hợp tác truyền thông: giá trị GD 153,73 triệu đồng	
3	Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	Công ty mẹ	Số 0301129367, ngày cấp 05/11/2025, nơi cấp: Sở Tài chính Tp.HCM	Số 01 Công trường Quốc tế, Phường Xuân Hòa, Tp.HCM	2025	Nghị quyết số 33/NQ-CNNB-HĐQT ngày 18/11/2025	Nhượng quyền bản quyền phần mềm ArcGis giá trị GD 2.649,95 triệu đồng	

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCD/HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
4	Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	Công ty mẹ	Số 0301129367, ngày cấp 05/11/2025, nơi cấp: Sở Tài chính Tp.HCM	Số 01 Công trường Quốc tế, Phường Xuân Hòa, Tp.HCM	Năm 2025	Nghị quyết số 23/NQ-CNNB-HĐQT ngày 31/3/2025	Đào tạo bồi dưỡng thi nâng bậc thợ và chuyển chức danh cho người lao động; học tập, trao đổi chia sẻ kinh nghiệm: giá trị GD 66,89 triệu đồng	



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO

Hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025 và phương hướng hoạt động năm 2026

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020; Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động; Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè;
- Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-CNNB-ĐHĐCĐ ngày 26/06/2025 của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2025.

Xem xét Báo cáo tài chính (BCTC) năm 2025 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC ngày 19/03/2026. Ban Kiểm soát (BKS) báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động của BKS năm 2025 và phương hướng hoạt động năm 2026 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025:

1) Cơ cấu tổ chức của Ban Kiểm soát:

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè nhiệm kỳ IV (2022 – 2027) gồm 05 thành viên:

- | | |
|----------------------------|-------------------------------------|
| 1. Bà Võ Thị Cẩm Tú | - Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách |
| 2. Bà Phạm Thị Phương Linh | - Kiểm soát viên |
| 3. Bà Nguyễn Thị Ngọc Oanh | - Kiểm soát viên |
| 4. Bà Nguyễn Ngọc Ngà | - Kiểm soát viên |
| 5. Ông Nguyễn Hoàng Lam | - Kiểm soát viên |

Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách làm việc toàn thời gian tại Công ty theo quy định, 04 Kiểm soát viên (KSV) không làm việc tại Công ty và hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm. Các KSV hoạt động độc lập, không có liên quan đến Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Giám đốc (BGĐ) hay Công ty kiểm toán độc lập.

2) Các hoạt động của Ban Kiểm soát:

BKS đã thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ giám sát, kiểm tra, thẩm định báo cáo theo Nghị quyết số 05/NQ-CNNB-ĐHĐCĐ ngày 26/06/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, cụ thể như sau:

- Giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật: Kiểm tra việc thực hiện Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế quản trị nội bộ và chế độ làm việc của các phòng-ban chức năng;

- Kiểm tra tài chính và kế hoạch sản xuất-kinh doanh (SXKD): Đánh giá việc triển khai và thực hiện kế hoạch SXKD, tài chính năm 2025; kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm năm 2025; đánh giá các giao dịch giữa Công ty với các bên có liên quan năm 2025;

- Thẩm định báo cáo: Xem xét báo cáo tài chính (BCTC) quý, bán niên và năm 2025; tình hình thực hiện quỹ tiền lương, tình hình sử dụng lao động năm 2025;

- Giám sát việc thực hiện theo Nghị quyết: Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ, thực hiện chia cổ tức theo Nghị quyết ĐHĐCĐ; thù lao HĐQT và các thành viên BKS kiêm nhiệm; hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2025; xem xét và lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán BCTC năm 2025 của Công ty;

- Công tác kiểm toán: Phối hợp Phòng Kế toán Tài chính (KTTC) trao đổi, làm việc với Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC trong quá trình soát xét, kiểm toán BCTC năm 2025; theo dõi việc cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ kiểm toán và giám sát tính minh bạch tài chính của Công ty;

- Công bố thông tin: Giám sát việc công bố thông tin chính xác theo quy định, đảm bảo tính minh bạch trong việc công bố thông tin để phục vụ quyền lợi của cổ đông;

- Kiểm tra và giám sát khác: giám sát công tác kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro theo nhu cầu thực tế tại Công ty; theo dõi việc kiện toàn nhân sự quản trị, điều hành thực hiện theo Nghị quyết HĐQT;

- Các hoạt động khác: BKS được mời tham dự thảo luận tại các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT. Trưởng BKS tham dự các cuộc họp giao ban định kỳ hàng tháng và các cuộc họp khác của Công ty; BKS tổ chức các phiên họp định kỳ theo đúng quy định để soát xét, đánh giá hoạt động kinh doanh của Công ty; Tham gia tập huấn, cập nhật thường xuyên nghiệp vụ chuyên môn và chính sách pháp luật có liên quan để phục vụ tốt công tác; Thực hiện chế độ báo cáo cho Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên Tổng Công ty theo quy định; Thực hiện quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

3) Các cuộc họp của BKS:

Tổng kết năm 2025, các Kiểm soát viên thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật, chương trình công tác và phân công giữa các Kiểm soát viên. Tham gia đầy đủ, đóng góp ý kiến trong các cuộc họp của Ban kiểm soát. Các nội dung chính trong 05 phiên họp BKS – Nhiệm kỳ IV (2022-2027) như sau:

- Kiểm tra, thẩm định và đóng góp ý kiến cho tài liệu các phiên họp của HĐQT;

- Triển khai phân công nhiệm vụ năm 2025 cho từng KSV, đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán BCTC Công ty năm 2025, thống nhất kế hoạch triển khai công tác kiểm soát năm 2025;

- Thẩm định, góp ý Báo cáo kết quả sản xuất-kinh doanh-tài chính và phương hướng nhiệm vụ các quý và năm 2025;

- Thẩm định báo cáo, xem xét Báo cáo tài chính quý, bán niên và năm 2025 được soát xét, kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC;

- Các KSV thường xuyên trao đổi công việc, tài liệu qua email, điện thoại để nắm bắt thông tin kịp thời, liên tục; đề ra các giải pháp cụ thể, thiết thực trong việc thực hiện nhiệm vụ nhằm nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát;

- Các KSV hoạt động độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm và nhiệm vụ của BKS theo quy định.

4) Tiền lương, thù lao của BKS năm 2025:

Tiền lương, thù lao của BKS Công ty thực hiện theo Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ, Thông tư số 003/2025/TT-BNV ngày 28/04/2025 của Bộ Nội vụ.

Thực hiện Nghị quyết số 05/NQ-CNNB-ĐHĐCĐ ngày 26/06/2025 của ĐHĐCĐ thường niên 2025, Công ty đã chi trả và hạch toán trong BCTC năm 2025 theo quy định hiện hành; thù lao của KSV không chuyên trách là 3.500.000 đồng/người/tháng và chi phí tiền lương, các quyền lợi khác của Trưởng BKS chuyên trách theo hệ thống thang, bảng lương, và quy chế trả lương, thưởng hiện hành của Công ty.

II. VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2025:

1) Về hoạt động sản xuất - kinh doanh:

Trên cơ sở thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2025 và các nghị quyết của HĐQT, tổng kết tình hình kiểm tra, giám sát, BKS nhận thấy:

– Năm 2025, HĐQT và Ban Giám đốc đã chủ động điều hành hoạt động SXKD mặc dù sản lượng nước tiêu thụ và tỷ lệ thất thoát nước chưa đạt như kỳ vọng. Nhìn chung, Công ty vẫn duy trì hoạt động ổn định, bảo đảm cấp nước an toàn và hoàn thành các chỉ tiêu tài chính trọng yếu.

– Về mặt cấp nước, Công ty tiếp tục đảm bảo 100% hộ dân trong vùng phục vụ được cung cấp nước sạch; duy trì cung cấp nước ổn định trên địa bàn quản lý và khu vực vùng hạ. Về mặt tài chính, Công ty thực hiện chế độ kế toán doanh nghiệp đúng quy định; quản lý dòng tiền thận trọng; bảo toàn vốn; hoàn thành nghĩa vụ với Nhà nước, duy trì lợi nhuận, cố gắng cho cổ đông và nâng cao thu nhập cho người lao động.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu SXKD năm 2025 như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2025	Thực hiện		Tỷ Lệ (%)	
			Năm 2024	Năm 2025	Tăng/giảm so với năm 2024	So với KH 2025
A. Về sản xuất-kinh doanh						
1. Sản lượng nước TT	1.000 m ³	72.500	72.407	71.378	-1,42%	98,45
2. Doanh thu tiền nước	Tỷ đồng	900,233	899,907	901,989	+0,23%	100,20
3. Tỷ lệ thực thu tiền nước	%	99	99,59	99,45	-0,14%	+0,45
4. Gắn mới ĐHN cỡ nhỏ	cái	1.000	1.761	1.996	+13,34%	199,60
5. Gắn mới ĐHN cỡ lớn	cái	2	5	8	+60,00%	400,00
6. Thay ĐHN cỡ nhỏ	cái	23.500	27.645	25.155	-9,01%	107,04
7. Thay ĐHN cỡ lớn	cái	32	98	37	-62,24%	115,63
8. Tỷ lệ thất thoát nước	%	11,5	11,43	12,05	+0,62%	+0,55
9. Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch	%	100	100	100	-	-
B. Về xây dựng cơ bản						
1. Phát triển MLCN	mét	4.258	2.386	2.560	7,29%	60,12
2. Sửa chữa ống mục	mét	18.744	17.774	18.744	5,46%	100,00
3. Xây hầm ĐHT	hầm	01	05	01	-80,00%	100,00
C. Về tài chính						
1. Tổng doanh thu	Tỷ đồng	908,933	908,768	916,067	0,80%	100,78

Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2025	Thực hiện		Tỷ Lệ (%)	
			Năm 2024	Năm 2025	Tăng/giảm so với năm 2024	So với KH 2025
2. Tổng chi phí	Tỷ đồng	868,433	868,757	873,541	0,55%	100,59
3. Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	40,500	40,011	42,526	6,28%	105,00
4. Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	31,800	30,307	31,876	5,18%	100,24
5. Cổ tức đợt 1	%	16	16	16	-1,42	+1,4
Cổ tức đợt 2			2,82	1,4		

- Về sản lượng nước tiêu thụ: Thực hiện năm 2025 là 71,378 triệu m³, giảm 1,029 triệu m³ so với thực hiện năm 2024 và đạt 98,45% kế hoạch. Nguyên nhân chủ yếu: ⁽¹⁾ một số khách hàng dịch vụ, kinh doanh giảm quy mô hoặc trả mặt bằng; ⁽²⁾ một số khách hàng lớn giảm sản lượng tiêu thụ; ⁽³⁾ phí dịch vụ thoát nước tăng (30%) làm xu hướng sử dụng nước tiết kiệm hơn; ⁽⁴⁾ một số khu vực cuối nguồn còn hạn chế về áp lực nước trong giờ cao điểm.

- Về doanh thu tiền nước: Thực hiện năm 2025 là 901,989 tỷ đồng, tăng 2,08 tỷ đồng so với thực hiện năm 2024 và đạt 100,20% kế hoạch. Công ty tiếp tục kiểm tra, kiểm soát, truy thu lượng nước thất thoát, áp dụng đúng giá biểu, định mức; giá bán bình quân đạt khoảng 12.636 đồng/m³, tăng 219 đồng/m³ so với kế hoạch (12.417 đồng/m³).

- Tỷ lệ thực thu tiền nước: Công tác thu tiền nước được thực hiện với 1.709.672 hóa đơn phát hành trong năm 2025, tăng 16.259 hóa đơn so với thực hiện năm 2024. Tỷ lệ thực thu đạt 99,45%, giảm 0,14% so với năm 2024 nhưng tăng hơn kế hoạch là 0,45%.

- Công tác thay đồng hồ nước: Trong năm 2025, Công ty đã thực hiện thay 25.155 đồng hồ nước cỡ nhỏ, đạt 107,04% kế hoạch và 37 đồng hồ nước cỡ lớn, đạt 115,63% kế hoạch.

- Công tác gắn mới đồng hồ nước: Thực hiện duy trì chỉ tiêu 100% hộ dân được sử dụng nước sạch nhằm góp phần tăng thêm lượng nước tiêu thụ từ khách hàng trong khu vực quản lý. Năm 2025 đã thực hiện gắn mới 1.996 đồng hồ nước, đạt 199,6% vượt kế hoạch 2025; trong đó Quận 4 là 70 cái; Quận 7: 704 cái và Huyện Nhà Bè: 1.222 cái. Tổng số đầu nối năm 2025 là 1.709.672 đồng hồ nước.

- Về công tác giảm thất thoát nước: Trong năm 2025, Công ty đã thực hiện công tác dò, sửa chữa bể ngầm, bể nổi là 4.248 điểm bể (trong đó: ⁽¹⁾ 2.821 điểm bể ngầm, tỷ lệ 66,41%; ⁽²⁾ 1.427 điểm bể nổi, tỷ lệ 33,59%); Tỷ lệ thất thoát nước bình quân năm 2025 là 12,05% tăng 0,62% so với thực hiện năm 2024 (11,43%) và tăng 0,55% so với kế hoạch năm 2025 (11,5%). Nguyên nhân chủ yếu đến từ tỷ lệ thất thoát ngoài DMA còn cao, một số tuyến ống cũ chôn sâu trong điều kiện địa chất yếu, mưa kéo dài và triều cường cao gây khó khăn cho công tác dò bể, sửa bể và điều tiết áp lực.

- Về công tác xây dựng cơ bản (XDCB): Trong năm 2025, phát triển mạng lưới cấp nước đã thi công hoàn tất 01/03 công trình (do có 02 công trình đang phối hợp dự án làm Cầu) với khối lượng thực hiện là 2.560 mét, tỷ lệ là 60,12% KH 2025; sửa chữa ống mục đã thi công hoàn tất 09/09 công trình cải tạo với khối lượng thực hiện là 18.744 mét, tỷ lệ là 100% KH 2025; xây 01 hầm bơm tăng áp tại Đường Ngô Quang Thắm, Xã Nhơn Đức, Huyện Nhà Bè năm 2025 đã thi công hoàn thành; sửa chữa phòng làm việc tại tầng trệt Công ty đã hoàn tất; công tác giải ngân đạt 95,52% so với KH 2025.

- Về kết quả tài chính: Lợi nhuận trước thuế thực hiện năm 2025 là 42,526 tỷ đồng, tăng 2,514 tỷ đồng so với thực hiện năm 2024 (+6,28%) và tăng 2,026 tỷ đồng so với kế hoạch (+5,00%). Cụ thể như sau:

◆ Tổng doanh thu và thu nhập khác năm 2025 đạt 916,067 tỷ đồng, tăng 7,299 tỷ đồng (+0,80%) so với thực hiện năm 2024:

- + Doanh thu tiền nước tăng 2,082 tỷ đồng (+0,23%) do đơn giá bán bình quân tăng 219 đồng/m³, ngoài ra sản lượng bán ra giảm 1.029.191 m³.
- + Doanh thu đồng hồ nước tăng 3,020 tỷ đồng (+209,80%).
- + Doanh thu hoạt động khác tăng 3,688 tỷ đồng, trong đó: doanh thu nhượng bán vật tư ngành nước tăng 5,597 tỷ đồng; doanh thu kinh doanh nước sawanew giảm 2,304 tỷ đồng do hoạt động sản xuất và kinh doanh nước đóng chai (Sawanew) ngừng hoạt động vào thời điểm 31/12/2024; doanh thu khác tăng 395 triệu đồng.
- + Doanh thu hoạt động tài chính giảm 1,491 tỷ đồng.
- ◆ Tổng chi phí năm 2025 là 873,542 tỷ đồng, tăng 4,785 tỷ đồng (+0,55%) so với thực hiện năm 2024 và đạt 100,59% kế hoạch năm 2025, cụ thể:
 - + Giá vốn giảm 1,566 tỷ đồng (-0,25%) trong đó: Giá vốn mua si nước sạch giảm 5,483 tỷ đồng (-0,89%) do sản lượng mua vào giảm 609.378 m³ và đơn giá mua vào tăng từ 7.276,7 đ/m³ lên 7.391,67 đ/m³, tỷ lệ thất thoát nước tăng so với thực hiện năm 2024 và chi phí dở dang nước sạch để phân bổ cho kỳ sau tăng làm giảm giá vốn nước sạch; Giá vốn nước Sawanew giảm 1,802 tỷ đồng; Giá vốn đồng hồ nước tăng 2,591 tỷ đồng; Giá vốn khác tăng 3,128 tỷ đồng.
 - + Chi phí bán hàng tăng 132 triệu đồng (+0,08%) so với thực hiện năm 2024.
 - + Chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí khác (TK 811) tăng 6,219 tỷ đồng (+7,37%) so với thực hiện năm 2024: Chi phí nguyên vật liệu tăng 101 triệu đồng; chi phí nhân viên tăng 1,947 tỷ đồng; chi phí khấu hao tăng 1,260 tỷ đồng; chi phí thuế, phí và lệ phí giảm 2,514 tỷ đồng; chi phí dịch vụ mua ngoài giảm 51 triệu đồng; chi phí bằng tiền khác tăng 5,312 tỷ đồng; chi phí khác tăng 164 triệu đồng.
 - ◆ Lợi nhuận sau thuế năm 2025 là 31,876 tỷ đồng, tăng 1,568 tỷ đồng (+5,18%) so với thực hiện năm 2024 và đạt 100,24% kế hoạch năm 2025.
 - ◆ Dự kiến cổ tức năm 2025 trình ĐHĐCĐ là 17,4% vốn điều lệ tăng 1,4% so với kế hoạch năm 2025.

2) Tình hình tài chính của Công ty

2.1. Kết quả bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025:

Chỉ tiêu	01/01/2025	31/12/2025
I. Tài sản ngắn hạn	126.105.314.975	107.012.487.870
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	25.119.312.413	49.690.463.270
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	60.000.000.000	10.030.000.000
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	11.676.667.775	12.419.808.910
<i>Trong đó: Nợ phải thu khó đòi</i>	<i>(2.394.199.927)</i>	<i>(2.267.100.947)</i>
4. Hàng tồn kho	23.707.645.546	28.230.495.605
5. Tài sản ngắn hạn khác	5.601.689.241	6.641.720.085
II. Tài sản dài hạn	199.300.399.127	224.259.876.074
1. Các khoản phải thu dài hạn	39.000.000	39.000.000
2. Tài sản cố định	180.220.909.709	204.867.370.790
- Tài sản cố định hữu hình	179.153.564.749	199.280.859.056
- Tài sản cố định vô hình	1.067.344.960	5.586.511.734
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
3. Tài sản dở dang dài hạn	9.308.164.653	8.230.762.833
4. Tài sản dài hạn khác	9.732.324.765	11.122.742.451
TỔNG TÀI SẢN	325.405.714.102	331.272.363.944

III. Nợ phải trả	142.525.711.512	148.369.239.890
1. Nợ ngắn hạn	142.200.711.512	148.074.239.890
<i>Trong đó: nợ quá hạn</i>		
2. Nợ dài hạn	325.000.000	295.000.000
IV. Nguồn vốn chủ sở hữu	182.880.002.590	182.903.124.054
1. Vốn của chủ sở hữu	182.880.002.590	182.903.124.054
<i>Trong đó: + Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	<i>109.000.000.000</i>	<i>109.000.000.000</i>
2. Nguồn kinh phí và quỹ khác		
TỔNG NGUỒN VỐN	325.405.714.102	331.272.363.944

2.2. Kết quả hoạt động kinh doanh tại ngày 31/12/2025:

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	Tỷ lệ (%) TH2025/TH2024
1. Tổng doanh thu	908.767.908.270	916.067.178.751	100,80%
- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	906.053.704.717	914.942.064.814	100,98%
- Doanh thu hoạt động tài chính	2.535.680.966	1.044.728.252	41,20%
- Thu nhập khác	178.522.587	80.385.685	45,03%
2. Tổng chi phí	868.756.533.210	873.541.518.374	100,55%
3. Tổng lợi nhuận trước thuế	40.011.375.060	42.525.660.377	106,28%
4. Chi phí thuế TNDN hiện hành	9.043.057.871	10.030.690.221	110,92%
5. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	660.952.501	619.197.944	93,68%
6. Lợi nhuận sau thuế	30.307.364.688	31.875.772.212	105,18%

2.3. Một số chỉ tiêu phân tích tài chính tại ngày 31/12/2025:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025
1. Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	38,75	32,30
2. Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	61,25	67,70
3. Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	43,80	44,79
4. Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	56,20	55,21
5. Khả năng thanh toán hiện hành	lần	0,89	0,72
6. Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,72	0,53
7. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu (ROS)	%	3,33	3,48
8. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	9,31	9,62
9. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	16,57	17,43

+ Hệ số Tài sản ngắn hạn/Tổng Tài sản là 32,30%: tài sản ngắn hạn giảm tỷ trọng do Công ty tăng đầu tư tài sản dài hạn và giảm tiền gửi ngân hàng ngắn hạn.

+ Hệ số Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn là 44,79%: cơ cấu nguồn vốn vẫn ở mức an toàn, nợ phải trả chủ yếu là nợ ngắn hạn phục vụ hoạt động thường xuyên; Công ty không phát sinh vay tài chính.

+ Khả năng thanh toán hiện hành: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn đạt 0,72 lần: tình hình tài chính không đảm bảo thanh toán các khoản nợ ngắn hạn với chỉ số < 1.

+ Khả năng thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn đạt 0,53 lần: khả năng thanh toán toàn bộ các khoản nợ ngắn hạn trong thời gian ngắn là không thể với chỉ số < 1.

+ Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu đạt 3,48% (tăng (+0,15%)/TH 2024).

+ Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Tổng Tài sản đạt 9,62% (tăng (+0,31%)/TH 2024).

+ Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Vốn Chủ sở hữu đạt 17,43% (tăng (+0,86%)/TH 2024).

+ Hệ số bảo toàn vốn nhà nước = 1,2145 lần (Giá trị tài sản-Nợ phải trả) / (Vốn đầu tư CSH+Quỹ ĐTPT).

Hệ số bảo toàn vốn Công ty > 1, vốn Công ty được bảo toàn.

3) Về báo cáo tài chính năm 2025 (đã kiểm toán):

– BCTC được lập và trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp luật có liên quan.

– Công ty đã lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách hệ thống, nhất quán phù hợp với công tác kế toán, thống kê và lập BCTC.

– Công ty đã thực hiện báo cáo và công bố thông tin định kỳ trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo đúng quy định của pháp luật về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

– BKS thống nhất với các nội dung của BCTC năm 2025 đã được Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán theo Báo cáo kiểm toán độc lập số 190326.001/BCTC.HCM ngày 19/03/2026 của Kiểm toán độc lập với ý kiến của kiểm toán viên như sau: “BCTC đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC”.

4) Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chia cổ tức 2025:

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh tại Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán, Công ty đạt lợi nhuận trước thuế là 42.525.660.377 đồng (đạt 105,00% kế hoạch), lợi nhuận sau thuế là 31.875.772.212 đồng. HĐQT trình ĐHĐCĐ phương án phân phối lợi nhuận, trích lập quỹ và cổ tức năm 2025 như sau:

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2025	
		Trình ĐHĐCĐ	Tỷ lệ
1	Tổng lợi nhuận phân phối	31.875.772.212	
	+ Cổ tức đợt 1 (16% vốn điều lệ)	17.440.000.000	54,71%
	+ Cổ tức đợt 2 (1,4% vốn điều lệ)	1.526.000.000	4,79%
2	Quỹ thưởng người quản lý DN	750.770.880	2,36%

3	Quỹ khen thưởng và phúc lợi người lao động, trong đó:	12.159.001.332	38,14%
	+ <i>Quỹ chống thất thoát nước</i>	559.543.528	1,75%

- HĐQT trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 v/v chia cổ tức thực hiện năm 2025, đợt 1 là 16%/vốn điều lệ và đợt 2 là 1,4%/vốn điều lệ. Đây là phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 phù hợp với nhu cầu đầu tư, an toàn tài chính và quyền lợi cổ đông.

5) Việc thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2025:

- *Thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh năm 2025*: Công ty đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu quan trọng như: doanh thu nước sạch đạt 901,989 tỷ đồng, tăng 0,20% kế hoạch; tổng doanh thu đạt 916,067 tỷ đồng, tăng 0,78% kế hoạch; lợi nhuận trước thuế đạt 42,526 tỷ đồng, tăng 5,00% kế hoạch; lợi nhuận sau thuế đạt 31,876 tỷ đồng, tăng 0,24% kế hoạch. Bên cạnh đó, sản lượng nước tiêu thụ đạt 98,45% kế hoạch và tỷ lệ thất thoát nước là 12,05% chưa đạt kế hoạch đề ra.

- *Phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ*: Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chi trả cổ tức năm 2024 đúng quy định. Trong năm 2025, cổ tức được chi trả làm 02 đợt. Cổ tức đợt 1 là 16% vốn điều lệ, số tiền là 17,440 tỷ đồng; cổ tức đợt 2 là 2,82% vốn điều lệ, số tiền là 3,075 tỷ đồng.

- *Thù lao HĐQT & BKS năm 2024*: Thực hiện theo Nghị quyết số 05/NQ-CNNB-ĐHĐCĐ ngày 26/06/2025 của ĐHĐCĐ thường niên 2025.

- *Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2025*: Công ty đã thực hiện theo Nghị quyết số 05/NQ-CNNB-ĐHĐCĐ ngày 26/06/2025 của ĐHĐCĐ thường niên 2025 ủy quyền cho HĐQT thương thảo và quyết định HĐ mua bán sỉ nước sạch năm 2025 với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV.

+ Đơn giá mua sỉ nước sạch năm 2025: 7.391,67 đồng/m³(mạng cấp 3)

+ Đơn giá mua sỉ nước sạch năm 2025, đối với lượng nước qua mạng cấp 1, 2 bằng 70% giá bán bình quân cho khách hàng.

- *Xem xét và lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2025*: HĐQT đã lựa chọn Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025.

6) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty với người có liên quan:

Thực hiện theo Nghị quyết số 05/NQ-CNNB-ĐHĐCĐ ngày 26/06/2025 của ĐHĐCĐ thường niên 2025, HĐQT đã xem xét và thông qua đơn giá mua bán sỉ nước sạch năm 2025. Công ty thực hiện hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2025 với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV (cổ đông lớn nắm giữ 53,44% vốn điều lệ Công ty) với số tiền là 642,17 tỷ đồng; Ngoài ra, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan với số tiền là 2,87 tỷ đồng (Nghị quyết số 23/NQ-CNNB-HĐQT ngày 31/3/2025 và Nghị quyết số 33/NQ-CNNB-HĐQT ngày 18/11/2025).

7) Giám sát công tác quản trị, điều hành:

Nhìn chung, các thành viên HĐQT và BGD là những người có kinh nghiệm trong công tác quản trị doanh nghiệp và điều hành hoạt động cấp nước; thực hiện nhiệm vụ đúng thẩm quyền theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ. Năm 2025, Công ty có sự thay đổi nhân sự Ban điều hành, bổ nhiệm ông Dương Văn Hòa giữ chức vụ Giám đốc Công ty kể từ ngày 26/06/2025, thay thế ông Lý Thành Tài.

a. Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT:

Trong năm 2025, HĐQT đã tổ chức 06 phiên họp, 05 lần lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành 13 nghị quyết để chỉ đạo, định hướng kịp thời các vấn đề thuộc trách nhiệm của HĐQT, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- HĐQT đã chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2025, xem xét kết quả SXKD năm 2024 và định kỳ quý năm 2025; thông qua kế hoạch SXKD - tài chính, kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm; quỹ tiền lương, thù lao và các nội dung thuộc thẩm quyền.

- Các nghị quyết của HĐQT ban hành nhìn chung phù hợp với tình hình thực tiễn, bám sát mục tiêu đảm bảo an toàn cấp nước, hiệu quả tài chính, đầu tư có trọng tâm và tuân thủ quy định pháp luật.

- Thành viên HĐQT tham dự đầy đủ các phiên họp (trực tiếp hoặc thông qua người ủy quyền) và tham gia góp ý với tinh thần trách nhiệm cao, góp phần định hướng cho sự phát triển ổn định, bền vững của Công ty.

Nhân xét: Qua giám sát, Ban Kiểm soát nhận thấy các quyết định của HĐQT đều hướng đến lợi ích chung của Công ty, phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ và định hướng phát triển của doanh nghiệp. Ban Kiểm soát chưa phát hiện trường hợp nào thành viên HĐQT vi phạm các quy định về tính trung thực và xung đột về quyền lợi của Công ty.

b. Kết quả giám sát hoạt động của Ban Giám đốc:

- *Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD:* Ban Giám đốc đã tổ chức điều hành hoạt động SXKD theo Nghị quyết ĐHĐCĐ và các nghị quyết của HĐQT; duy trì cấp nước an toàn, ổn định, quản lý vận hành hệ thống, chăm sóc khách hàng và triển khai các giải pháp giảm thất thoát nước, kiểm soát tốt chi phí.

- *Về công tác tài chính kế toán:* Lập BCTC quý, bán niên, năm đúng thời hạn, đúng quy định; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp Nhà nước; quản lý dòng tiền, bảo toàn và phát triển được vốn nhà nước, tài chính doanh nghiệp lành mạnh, an toàn và đúng quy định pháp luật; công bố thông tin kịp thời, chính xác về tình hình tài chính, hoạt động, cơ cấu sở hữu vốn trên thị trường chứng khoán.

- *Về công tác tổ chức nhân sự:* Ban Giám đốc đã sắp xếp, kiện toàn công tác quản lý điều hành sau thay đổi nhân sự năm 2025; Quan tâm đến đời sống, vật chất, tinh thần, các chế độ chính sách cho người lao động, tạo sự phấn khởi, đồng thuận nhất trí cao trong Công ty.

- *Công tác phối hợp điều hành giữa HĐQT và Ban Giám đốc:* Ban Giám đốc chủ động báo cáo, đề xuất, xin ý kiến HĐQT đối với các vấn đề phát sinh ngoài kế hoạch trong quá trình điều hành SXKD; Thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định, hoàn thành nhiệm vụ được giao trong tổ chức thực hiện các nghị quyết, đảm bảo lợi ích hợp pháp của cổ đông và Công ty. Mọi quan hệ công tác phối hợp giữa HĐQT và BGĐ là khá tốt thể hiện được tính thống nhất trong các quyết định thuộc lĩnh vực chuyên môn cấp nước. Các thành viên Ban Giám đốc có năng lực công tác, chuyên môn giỏi, được tập thể người lao động tin nhiệm. Do đó, BGĐ đã điều hành, định hướng đúng thực hiện kế hoạch SXKD Công ty kinh doanh có lãi, đảm bảo thu nhập của người lao động và cổ tức cho cổ đông.

Nhân xét: Ban Giám đốc đã hoàn thành tốt nhiệm vụ điều hành các chỉ tiêu tài chính trọng yếu năm 2025, giữ vững an toàn cấp nước, bảo toàn vốn và duy trì hoạt động SXKD ổn định; Triển khai thực hiện tốt Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 và các Nghị quyết của HĐQT Công ty.

8) Sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, BGĐ và các cổ đông:

- Ban Kiểm soát luôn giữ mối quan hệ, chủ động trao đổi, thống nhất với HĐQT về các nội dung, kế hoạch kiểm tra, giám sát hoạt động SXKD của Công ty; phối hợp với BGĐ trong quá trình triển khai công tác kiểm tra, giám sát theo quy định và Nghị quyết đã được ĐHĐCĐ thông qua.

– Ban Kiểm soát có sự độc lập trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ. Các thành viên đều có năng lực, chuyên môn nghiệp vụ. Các ý kiến đóng góp của BKS đã được HĐQT, BGD đánh giá cao về chất lượng cũng như tính kịp thời.

– Ban Kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ HĐQT, BGD trong việc cung cấp đầy đủ biên bản họp, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh, tài chính của Công ty để BKS hoàn thành tốt nhiệm vụ

– Ban Kiểm soát không nhận được yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông hoặc nhóm cổ đông về các mặt hoạt động của Công ty.

9) Kết luận, kiến nghị:

Năm 2025, Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè tiếp tục duy trì nền tài chính ổn định, bảo toàn vốn, hoàn thành vượt kế hoạch các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận và nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên, sản lượng nước tiêu thụ chưa đạt kế hoạch và tỷ lệ thất thoát nước tăng so với năm trước là những vấn đề cần được quan tâm trong năm 2026.

Ban Kiểm soát thống nhất với Báo cáo kết quả hoạt động SXKD và BCTC năm 2025 đã kiểm toán, đồng thời nhất trí với định hướng, nhiệm vụ của kế hoạch SXKD năm 2026.

Nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động; đảm bảo lành mạnh về tài chính, BKS đưa ra một số kiến nghị trong công tác quản lý, điều hành như sau:

+ Tiếp tục thực hiện tốt chương trình cấp nước an toàn, duy trì bền vững chỉ tiêu 100% hộ dân được cung cấp nước sạch; tập trung các giải pháp tăng sản lượng nước tiêu thụ tại các khu vực tiềm năng và khu vực cuối nguồn.

+ Phân đầu hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất-kinh doanh-tài chính năm 2026; đồng thời kiểm soát chặt tỷ lệ thất thoát nước, giảm thất thoát hiệu quả và bền vững, tiết kiệm chi phí hợp lý để nâng cao hiệu quả kinh doanh.

+ Tăng cường đối chiếu, thu hồi công nợ, tỷ lệ đối chiếu trên 90%; chủ động cân đối dòng tiền để cải thiện khả năng thanh toán hiện hành và thanh toán nhanh; đôn đốc thanh toán tiền nước, duy trì tỷ lệ thực thu ở mức cao trên 99%.

+ Tiếp tục hoàn thiện cơ chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng cho Người quản lý và Người lao động theo quy định hiện hành, gắn với hiệu quả công việc và năng suất lao động.

+ Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong công tác quản lý, vận hành, chăm sóc khách hàng, kiểm soát dữ liệu và an toàn thông tin; tiếp tục nâng cao hiệu quả kiểm soát nội bộ.

+ Theo dõi, đôn đốc tiến độ thực hiện các công trình đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm và nâng cấp mạng lưới; tăng cường giám sát chất lượng công trình, hiệu quả giải ngân và tính đồng bộ khi đưa vào vận hành.

+ Quản lý, sử dụng hiệu quả vốn trong kinh doanh; bảo toàn đồng vốn, thực hiện chế độ tài chính doanh nghiệp lành mạnh và đúng quy định pháp luật.

III. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2026:

Căn cứ quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của BKS được quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS và các quy định có liên quan. Ban Kiểm soát cam kết tiếp tục giám sát chặt chẽ, đảm bảo hoạt động minh bạch, hiệu quả, định hướng Công ty phát triển mạnh mẽ và bền vững. BKS lập phương hướng hoạt động năm 2026 như sau:

– Kiểm tra, giám sát việc thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên: thực hiện các chỉ tiêu SXKD – tài chính năm 2026; phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, chia cổ tức cho cổ đông; thù lao HĐQT và các thành viên BKS kiêm nhiệm; hợp đồng mua bán si nước sạch năm

2026; xem xét và lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán BCTC năm 2026 của Công ty; đánh giá các giao dịch giữa Công ty với các bên có liên quan năm 2026.

– Tổ chức kiểm tra định kỳ, thẩm định báo cáo: xem xét BCTC quý, bán niên và năm 2026 (đã được kiểm toán); kiểm tra tình hình thực hiện quỹ tiền lương và kế hoạch quỹ tiền lương đảm bảo công bằng, minh bạch; tăng cường quản lý tài chính hiệu quả, kiểm soát dòng tiền, tối ưu chi phí vận hành để gia tăng lợi nhuận; phối hợp cùng Phòng KTTC làm việc với Công ty kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khi có yêu cầu.

– Giám sát hoạt động kinh doanh: thực hiện chương trình cấp nước an toàn, duy trì chỉ tiêu 100% hộ dân được cấp nước sạch trên địa bàn quản lý; theo dõi các giải pháp tăng sản lượng nước tiêu thụ, tăng doanh thu tiền nước, nâng cao tỷ lệ thực thu và chăm sóc khách hàng.

– Giám sát về quản lý mạng lưới cấp nước: tập trung đẩy mạnh các giải pháp giảm thất thoát nước, kiểm soát áp lực mạng lưới, nâng cao hiệu quả đầu tư XD/CB và sửa chữa ống mục; giám sát tiến độ các dự án, hạng mục mua sắm và ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý vận hành.

– Giám sát tình hình hoạt động khác: kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên; nâng cao hệ thống kiểm soát, giảm thiểu rủi ro trong điều hành, quản lý hoạt động SXKD của Công ty; tham gia đào tạo, tập huấn, cập nhật thường xuyên nghiệp vụ chuyên môn và chính sách pháp luật có liên quan để nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát.

Trên đây là nội dung báo cáo hoạt động của BKS năm 2025 và phương hướng hoạt động năm 2026. Ban Kiểm soát kính trình ĐHĐCĐ xem xét và thông qua.

Trân trọng cảm ơn./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Võ Thị Cẩm Tú

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, Ban Giám đốc;
- Kiểm soát viên;
- Lưu: BKS.

Số: 1090/TTr-CNNB

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 4 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH
Về phương án phân phối lợi nhuận của năm 2025

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật số 76/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp 2020;

Căn cứ Luật số 68/2025/QH15 ngày 14/6/2025 về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 về quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động; Quy chế tài chính của Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè;

Theo kết quả kinh doanh tại Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán, Công ty đạt lợi nhuận trước thuế là **42.525.660.377** đồng (đạt 105,00% kế hoạch), lợi nhuận sau thuế là **31.875.772.212** đồng, tăng so với năm 2024 là 1.568.407.524 đồng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 như sau:

Khoản mục	Số tiền (đồng)	Tỉ lệ (%)
Tổng lợi nhuận phân phối	31.875.772.212	100,00
1. Chia cổ tức đợt 1 (16% vốn điều lệ)	17.440.000.000	54,71
2. Chia cổ tức đợt 2 (1,4% vốn điều lệ)	1.526.000.000	4,79
Tổng cộng cổ tức (17,4%)	18.966.000.000	59,50
3. Quỹ thưởng Ban điều hành, Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên	750.770.880	2,36
4. Quỹ khen thưởng và phúc lợi người lao động	12.159.001.332	38,14

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- ĐHCĐ Cty;
- HĐQT Cty;
- BKS Cty;
- BGĐ Cty;
- Lưu VT, HS.HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Huỳnh Hảo Tài

Số: **0943**/TTr-CNNB

Tp. HCM, ngày 02 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về tiền lương và thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty năm 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2025;

Căn cứ Nghị định 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ, trong đó tại Điều 6 quy định: “Mức thù lao tối đa của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên không chuyên trách được xác định theo thời gian thực tế làm việc nhưng không vượt quá 20% mức tiền lương tương ứng của Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên chuyên trách”;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè;

Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty.

Nhằm đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và tình hình hoạt động của Công ty, Ban Điều hành kính trình Hội đồng quản trị xem xét mức thù lao của Hội đồng quản trị (HDQT) và Ban kiểm soát (BKS) năm 2026 để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua, cụ thể như sau:

1. Đối với chức danh chuyên trách

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách hưởng tiền lương, tiền thưởng theo hệ thống thang, bảng lương và quy chế trả lương, thưởng hiện hành của Công ty.

2. Đối với thành viên không chuyên trách

a) Thành viên Hội đồng quản trị: **8.000.000 đồng/người/tháng**

b) Kiểm soát viên: **5.000.000 đồng/người/tháng**

(Mức thù lao nêu trên đảm bảo không vượt quá giới hạn theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 248/2025/NĐ-CP).

3. Về ủy quyền thực hiện

Để thuận tiện trong tổ chức thực hiện và đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật khi có thay đổi chính sách về tiền lương, thù lao, tiền thưởng, trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định điều chỉnh mức tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Ban Giám đốc;
- Lưu VT, HS.HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Huỳnh Hảo Tài

Số: 0944/TTr-CNNB-BKS

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc xem xét và lựa chọn Đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020; Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động; Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè;

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc xem xét và lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để thực hiện soát xét Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè như sau:

1. Tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán:

- Là đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, đủ điều kiện thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng theo quy định.
- Đội ngũ kiểm toán viên chuyên nghiệp, trung thực, uy tín, có trình độ chuyên môn cao, đủ tiêu chuẩn, nhiều kinh nghiệm nhằm đảm bảo chất lượng kiểm toán báo cáo tài chính.
- Mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán theo yêu cầu của Công ty.
- Đảm bảo hoàn thành và công bố Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đúng thời hạn quy định và chất lượng tốt nhất.

2. Nội dung kiểm toán:

- Soát xét Báo cáo tài chính bán niên cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2026.
- Kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2026.

3. Danh sách các đơn vị kiểm toán:

- Công ty TNHH Hãng Kiểm toán (AASC) – Tầng 3 Tòa nhà Galaxy 9, Số 9 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hội, Tp. Hồ Chí Minh.
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY – Tầng 5, Tòa B2, Roman Plaza, Đường Tố Hữu, Phường Đại Mỗ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Công ty TNHH Kiểm toán NVA (NVA AUDITING CO, LTD) – 54/3 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Tân Định, Tp. Hồ Chí Minh.

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty, căn cứ vào các tiêu chí nêu trên và quy định pháp luật có liên quan để lựa chọn đơn vị kiểm toán phù hợp trong danh sách được Ban Kiểm soát đề xuất để thực hiện kiểm toán, soát xét Báo cáo tài chính và các mục đích kiểm toán khác (nếu có) cho năm tài chính 2026 của Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BGĐ;
- KSV Công ty;
- Lưu: BKS

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Võ Thị Cẩm Tú

Số: **0945**/TTr-CNNB

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc báo cáo việc thực hiện Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2025; trình tiếp tục ủy quyền thương thảo, quyết định Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch phát sinh cho đến kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2027

Căn cứ Điều 167 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ khoản 2 Điều 15 Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè;

Căn cứ Điều 9 Nghị quyết số 05/NQ-CNNB-ĐHĐCĐ ngày 26/6/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, Đại hội đồng cổ đông đã “*tiếp tục ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thương thảo và quyết định Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch của Công ty phát sinh hiệu lực cho đến ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026*”,

Theo đó, Hội đồng quản trị Công ty đã xem xét, và thông qua Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch giữa Công ty với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV với đơn giá mua bán sỉ nước sạch như sau:

1. Đơn giá mua bán sỉ nước sạch năm 2025

- Đơn giá mua bán sỉ đối với lượng nước khai thác trên tài sản (tuyến ống) của Công ty là 7.391,67 đồng/m³.

- Đơn giá mua bán sỉ đối với lượng nước khai thác trên tài sản (tuyến ống) của Tổng Công ty bằng 70% giá bán bình quân tại đồng hồ tổng đo đếm lượng nước khai thác trên tài sản (tuyến ống) của Tổng Công ty.

Với đơn giá mua bán sỉ nước sạch như trên, giá trị của Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2025 là 642,17 tỷ đồng.

2. Đơn giá mua bán sỉ nước sạch năm 2026

Theo đề nghị tại của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV và Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè, Hội đồng quản trị đã thông qua đơn giá mua bán sỉ nước sạch (áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026) bằng đơn giá năm 2025 như nêu trên (Nghị quyết số 36/NQ-CNNB-HĐQT ngày .../3/2026). Trong thời gian thực hiện hợp đồng, hai bên sẽ thương thảo, tính toán lại đơn giá cho phù hợp với tình hình thực tế.

Để thuận tiện cho việc tổ chức quản lý và điều hành trong sản xuất kinh doanh, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, tiếp tục ủy quyền cho Hội đồng quản trị thương thảo và quyết định các vấn đề liên quan đến Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch của Công ty và Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV từ nay cho đến kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2027.

Đính kèm theo Tờ trình này là dự thảo Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2026 giữa Công ty và Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV.

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ Cty;
- HĐQT Cty;
- BKS Cty;
- BGĐ Cty;
- Lưu VT, HS.HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Huỳnh Hảo Tài



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2026

HỢP ĐỒNG MUA BÁN SỈ NƯỚC SẠCH

Số: _____/HĐ-TCT-KDDVKH

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch và Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Thông tư số 23/2013/TT-BKHHCN ngày 26 tháng 9 năm 2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2; Thông tư số 07/2019/TT-BKHHCN ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 23/2013/TT-BKHHCN ngày 26 tháng 9 năm 2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2; Thông tư số 03/2024/TT-BKHHCN ngày 15 tháng 4 năm 2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2013/TT-BKHHCN ngày 26 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2019/TT-BKHHCN ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Bản thỏa thuận ngày ... tháng ... năm 2026 về Hợp đồng mua bán si nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2026 giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên và Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè;

Theo nhu cầu, khả năng của hai bên;

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm 2026, tại trụ sở Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV, số 01 Công Trường Quốc Tế, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi gồm:

**BÊN A : TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN – TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MỘT THÀNH VIÊN (Bên bán)**

Trụ sở chính: Số 01 Công trường Quốc tế, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 38 291 777 – 38 291 974. Fax: (84.8) 38 241 644.

Tài khoản số: 622.043.110.110.0091 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Chi nhánh Chợ Lớn.

Mã số thuế: 0301129367

Do Ông: **Đặng Đức Hiền**

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc làm đại diện.

Giấy ủy quyền: Số 8412/GUQ-TCT-KDDVKH ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

BÊN B : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHÀ BÈ (Bên mua)

Trụ sở chính: Số 1179 Nguyễn Văn Linh, Khu phố 41, Phường Tân Hưng, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 54 122 499 Fax: (84.8) 54 122 500

Tài khoản số: 421101.450077 tại Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Chợ Lớn – CN Hòa Bình

Mã số thuế: 0304789298

Do Ông: **Dương Văn Hòa**

Chức vụ: Giám đốc làm đại diện

Thông nhất ký kết Hợp đồng mua bán si nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2026 theo các điều khoản sau:

Điều 1: Khối lượng nước mua bán.

- 1.1 Bên A bán và Bên B mua khối lượng nước được xác định hàng kỳ qua các đồng hồ tổng, bao gồm: đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng. Danh sách các đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng được nêu

tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2 của Hợp đồng này. Các đồng hồ tổng được định nghĩa như sau:

- 1.1.1 Đồng hồ tổng nguồn: là đồng hồ đo đếm khối lượng nước đi vào hoặc đi ra mạng lưới cấp nước của Bên B (Phụ lục 1).
- 1.1.2 Đồng hồ tổng tách mạng: là đồng hồ đo đếm khối lượng nước qua lại giữa mạng lưới cấp nước của Bên B với Bên thứ ba có hợp đồng mua bán si nước sạch với Bên A (Phụ lục 1).
- 1.1.3 Đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng:
 - 1.1.3.1 Là đồng hồ đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định, chưa được ghi nhận qua đồng hồ tổng được nêu tại Khoản 1.1.1, 1.1.2 của điều này (Phụ lục 1).
 - 1.1.3.2 Là đồng hồ đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định, được khai thác trực tiếp trên tài sản (tuyến ống) của Bên A (Phụ lục 2).
- 1.2 Cân chỉnh và kiểm tra đồng hồ tổng:
 - 1.2.1 Đồng hồ tổng phải đáp ứng các yêu cầu kiểm định theo quy định về đo lường của Nhà nước khi đưa vào sử dụng.
 - 1.2.2 Định kỳ 05 (năm) năm một lần đối với đồng hồ cơ khí và định kỳ 03 (ba) năm một lần đối với đồng hồ điện tử, hai bên sẽ tiến hành kiểm tra, cân chỉnh đồng hồ tổng để đảm bảo đồng hồ tổng luôn trong tình trạng hoạt động tốt. Chi phí kiểm tra, cân chỉnh do Bên A chịu.
 - 1.2.3 Trong trường hợp một hoặc hai bên có yêu cầu kiểm tra, cân chỉnh do nghi ngờ tính chính xác của đồng hồ tổng, thì hai bên sẽ cùng thực hiện hoặc thuê bên thứ ba có chức năng thực hiện việc kiểm tra, cân chỉnh đồng hồ tổng. Chi phí sẽ do bên yêu cầu chịu. Trong thời gian kiểm định, cân chỉnh đồng hồ tổng thì Bên A sẽ thay thế bằng đồng hồ tổng khác để đo đếm lượng nước mua bán. Trường hợp không có đồng hồ tổng thay thế thì lượng nước mua bán sẽ được tính trung bình ngày của 03 (ba) kỳ liền kề trước đó.
 - 1.2.4 Các kết quả kiểm tra, cân chỉnh đồng hồ tổng phải được lập thành văn bản có xác nhận của các bên tham gia.
 - 1.2.5 Nếu đồng hồ tổng được xác định là sai, bên A sẽ thực hiện việc sửa chữa, thay thế trong thời gian sớm nhất.

- 1.3 Khối lượng nước mua bán trong một kỳ được xác định như Điều 2 của hợp đồng này.
- 1.4 Khối lượng nước tối thiểu mua bán trong một kỳ không nhỏ hơn **5.000.000 m³** (năm triệu mét khối).

Trong trường hợp khối lượng nước mua bán nhỏ hơn lượng nước tối thiểu thì Bên B phải thanh toán cho Bên A tiền nước theo lượng nước tối thiểu được xác định ở trên, trừ trường hợp được nêu tại Điều 6, Điều 8 của hợp đồng này.

Điều 2: Ghi nhận, tính toán khối lượng nước mua bán.

2.1 Ghi nhận khối lượng nước mua bán:

- 2.1.1 Định kỳ vào ngày 25 hàng tháng, hai bên cử đại diện cùng tiến hành ghi nhận tại hiện trường và/hoặc thông qua bộ ghi nhận và truyền dữ liệu (Data logger) khối lượng nước mua bán trong một kỳ thông qua chỉ số tiêu thụ của các đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng. Trường hợp đối với đồng hồ tổng tách mạng, hai bên sẽ phối hợp cùng bên thứ ba có hợp đồng mua si nước sạch của bên A. Bên thứ ba và các đồng hồ tổng này được xác định trước và lập thành danh sách để tiến hành cùng ghi nhận khối lượng nước tiêu thụ.

Thời gian ghi nhận khối lượng nước mua bán thông qua số liệu của Data logger vào lúc 7h00 ngày 25 hàng tháng.

Đối với đồng hồ tổng không có bộ ghi nhận dữ liệu, khối lượng nước mua bán được tính theo chỉ số trên bộ hiển thị của đồng hồ tổng vào ngày 25 hàng tháng. Thời gian đọc chỉ số trên bộ hiển thị của đồng hồ tổng giữa 02 (hai) kỳ không được lệch quá 60 phút. Việc ghi nhận khối lượng nước mua bán phải được lập thành biên bản để làm cơ sở cho việc thanh toán tiền nước mua bán.

2.1.2 Khối lượng nước giảm trừ:

Khi xảy ra các trường hợp được nêu tại khoản 7.1.3, 7.2.3 Điều 7 thì căn cứ vào biên bản ghi nhận của hai bên để tính toán khối lượng nước mua bán trong kỳ.

Khối lượng nước giảm trừ được hai bên lập thành biên bản và thống nhất chậm nhất sau 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày ghi nhận khối lượng nước mua bán được nêu tại Khoản 2.1.1 Điều 2. Sau thời gian này, nếu hai bên không thống nhất được thì khối lượng nước mua bán trong kỳ sẽ không tính khối lượng nước giảm trừ. Khối lượng nước giảm trừ sẽ tiếp tục được hai bên thống nhất vào kỳ mua bán kế tiếp.

2.1.3 Trường hợp các đồng hồ tổng gặp sự cố hư hỏng hoặc chạy bất thường, thì việc ghi nhận khối lượng nước được tính trung bình và/hoặc sẽ cùng thỏa thuận giữa các bên. Cách thực hiện được nêu tại Phụ lục 6 của hợp đồng này.

2.2 Tính toán khối lượng nước mua bán:

Khối lượng nước mua bán giữa hai bên là tổng khối lượng nước được ghi nhận theo quy định tại Khoản 2.1 của điều này.

Điều 3: Chất lượng nước sạch:

3.1 Chất lượng nước mua bán giữa hai bên đạt tiêu chuẩn theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt, QCVN 01-1:2024/BYT ban hành kèm theo Thông tư số 52/2024/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Y tế. Các chỉ tiêu và thông số về chất lượng nước mua bán được nêu tại Phụ lục 3 của hợp đồng này. Vị trí lấy mẫu nước để kiểm nghiệm chất lượng nước theo danh sách được nêu tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2 của hợp đồng này. Đối với chất lượng nước kiểm nghiệm hàng tháng, các chỉ tiêu, giới hạn thông số áp dụng theo Điều 4 Chương II của QCVN 01-1:2024/BYT và tần suất thực hiện các chỉ tiêu được áp dụng theo Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 52/2024/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Trường hợp quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch được ban hành, chất lượng nước mua bán giữa hai bên sẽ áp dụng theo quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch.

3.2 Xác định vùng trách nhiệm về chất lượng nước:

3.2.1 Trách nhiệm của Bên A:

Bên A có trách nhiệm đảm bảo chất lượng nước mua bán đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 từ nhà máy của Bên A và/hoặc Nhà máy của các đơn vị khác mà Bên A có hợp đồng mua si nước sạch đến vị trí lắp đặt đồng hồ tổng nguồn và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng.

3.2.2 Trách nhiệm của Bên B:

Bên B có trách nhiệm đảm bảo chất lượng nước mua bán đạt theo quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 từ vị trí sau đồng hồ tổng nguồn đến đến đồng hồ tổng tách mạng và từ vị trí sau đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng.

3.3 Kiểm nghiệm chất lượng nước mua bán:

- 3.3.1 Hàng tháng, Bên A và Bên B sẽ lấy 10 (mười) mẫu nước tại vị trí các đồng hồ tổng đã chọn trước được nêu tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2 của hợp đồng này để tiến hành kiểm nghiệm hoặc gửi đến một đơn vị có chức năng kiểm nghiệm để kiểm nghiệm các chỉ tiêu theo quy định. Kết quả kiểm nghiệm là cơ sở để hai bên phân định trách nhiệm về chất lượng nước mua bán giữa hai bên. Chi phí kiểm nghiệm do Bên A chịu.
- 3.3.2 Bên B có quyền yêu cầu một đơn vị có chức năng kiểm nghiệm tiến hành lấy mẫu nước tại vị trí được quy định tại Khoản 3.3.1 của điều này để kiểm nghiệm đối chiếu kết quả kiểm nghiệm chất lượng nước do Bên A thực hiện. Chi phí kiểm nghiệm này do Bên B chịu.
- 3.3.3 Nếu có xảy ra phản ánh của khách hàng sử dụng nước về chất lượng nước thì hai bên cùng tiến hành kiểm tra, tìm nguyên nhân. Nếu lỗi thuộc về bên nào thì bên đó chịu chi phí kiểm nghiệm và thực hiện theo Điểm 7.3.1 Khoản 7.3 Điều 7 của hợp đồng này.

Điều 4: Đơn giá mua bán

- 4.1 Đơn giá mua bán của khối lượng nước được ghi nhận thông qua các đồng hồ tổng nêu tại Khoản 1.1.1, 1.1.2, 1.1.3.1 Điều 1 của hợp đồng này là **7.391,67 đồng/m³**.
- 4.2 Đơn giá mua bán của khối lượng nước được ghi nhận thông qua các đồng hồ tổng nêu tại Khoản 1.1.3.2 Điều 1 của hợp đồng này được tính bằng 70% (bảy mươi phần trăm) giá bán bình quân áp dụng cho khách hàng của Bên B xác định, tại thời điểm ghi nhận khối lượng nước mua bán của các đồng hồ này.
- 4.3 Đơn giá nêu trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.
- 4.4 Trong thời gian thực hiện hợp đồng, hai bên sẽ thương thảo, tính toán lại đơn giá cho phù hợp với tình hình thực tế.

Điều 5: Thanh toán.

- 5.1 Hàng tháng Bên B thực hiện thanh toán tiền mua bán si nước sạch như sau:
 - 5.1.1 Ngày 05 (năm) của tháng liền kề sau ngày ghi nhận khối lượng nước mua bán được quy định tại Điều 2 của hợp đồng này, Bên B thanh toán số tiền là 20.000.000.000 (hai mươi tỷ) đồng cho Bên A.
 - 5.1.2 Ngày 15 (mười lăm) của tháng liền kề sau ngày ghi nhận khối lượng nước mua bán được quy định tại Điều 2 của hợp đồng này, Bên B thanh toán số tiền là 26.000.000.000 (hai mươi sáu tỷ) đồng cho Bên A.

- 5.1.3 Ngày 25 (hai mươi lăm) của tháng liền kề sau ngày ghi nhận khối lượng nước mua bán được quy định tại Điều 2 của hợp đồng này, Bên B phải thanh toán dứt điểm số tiền còn lại cho Bên A.
- 5.1.4 Việc thanh toán được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản. Nếu ngày thanh toán được nêu tại Khoản 5.1.1, 5.1.2, 5.1.3 rơi vào ngày thứ bảy, chủ nhật hoặc ngày nghỉ theo quy định thì ngày thanh toán được dời vào ngày liền kề sau đó.
- 5.2 Trường hợp Bên B chậm thanh toán như quy định tại Khoản 5.1 của điều này thì phải chịu thêm lãi suất vay quá hạn hiện hành của Ngân hàng cho số tiền chậm thanh toán.
- 5.3 Hàng tháng, Bên A gửi cho Bên B bộ hồ sơ thanh toán bao gồm:
- Biên bản ghi nhận khối lượng nước mua bán được quy định tại Khoản 2.1 Điều 2 của hợp đồng này (Phụ lục 4).
 - Thông báo số tiền phải thanh toán (Phụ lục 5).
 - Bảng kết quả kiểm nghiệm.
 - Hóa đơn bán sỉ.

Điều 6: Các trường hợp ngưng cung cấp nước, ngưng tiếp nhận nước

- 6.1 Bên A ngưng cung cấp nước khi xảy ra một hoặc các trường hợp sau:
- 6.1.1 Theo kế hoạch sửa chữa định kỳ, nhưng không quá 24 giờ một lần. Bên A có trách nhiệm thông báo cho Bên B biết trước ít nhất 07 (bảy) ngày.
- 6.1.2 Do các sự cố lớn tại các nhà máy của Bên A và/ hoặc nguồn nước của Bên A và của các đơn vị khác mà Bên A ký hợp đồng mua. Khi có sự cố xảy ra, Bên A phải thông báo ngay cho Bên B trong vòng 2 (hai) giờ và sau đó phải gửi văn bản chính thức.
- 6.1.3 Do các sự cố lớn trên hệ thống ống truyền dẫn của Bên A. Khi có sự cố xảy ra, Bên A phải thông báo ngay cho Bên B trong vòng 2 (hai) giờ và sau đó phải gửi văn bản chính thức.
- 6.1.4 Do các trường hợp bất khả kháng như được nêu tại Điều 8 của hợp đồng này. Khi xảy ra các trường hợp bất khả kháng, Bên A phải thông báo ngay cho Bên B trong vòng 2 (hai) giờ và sau đó phải gửi văn bản chính thức.
- 6.2 Bên B ngưng tiếp nhận nước khi xảy ra một hoặc các trường hợp sau:

- 6.2.1 Bên A không thực hiện việc kiểm nghiệm nước sạch được quy định tại Khoản 3.3.1 Điều 3 của hợp đồng này.
- 6.2.2 Chất lượng nước mua bán không đạt tiêu chuẩn như quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 của hợp đồng này.
- 6.2.3 Thực hiện công tác sửa chữa, cải tạo hệ thống cấp nước theo kế hoạch. Trong trường hợp này Bên B phải thông báo cho Bên A biết trước ít nhất 02 (hai) ngày.
- 6.2.4 Khi có sự cố hư hỏng đột xuất hệ thống cấp nước của Bên B mà có thể làm gián đoạn việc tiếp nhận nước từ bên A. Trong trường hợp này Bên B phải thông báo ngay khi phát hiện sự cố cho Bên A biết.

Điều 7: Trách nhiệm của các bên.

7.1 Trách nhiệm của Bên A:

- 7.1.1 Đảm bảo cung cấp nguồn nước liên tục và đạt tiêu chuẩn được quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 của hợp đồng này, trừ các trường hợp bất khả kháng nêu tại Điều 8.
- 7.1.2 Giải quyết nhanh chóng, kịp thời các sự cố hư hỏng trong phạm vi tài sản của mình.
- 7.1.3 Thông báo và phối hợp cùng Bên B ghi nhận, tính toán để giảm trừ khối lượng nước mua bán khi xuất hiện xì, bể ống cấp 1 và cấp 2 tại vị trí sau đồng hồ tổng thuộc tài sản của Bên A và/hoặc có yêu cầu súc xả nước đục mà nguyên nhân xuất phát từ trách nhiệm của Bên A.
- 7.1.4 Hỗ trợ Bên B khắc phục các sự cố vượt ngoài khả năng của Bên B (khi có yêu cầu).
- 7.1.5 Làm việc với các cơ quan quản lý nhà nước, với các phương tiện thông tin đại chúng, với nhân dân về các vấn đề có liên quan đến quy định, cơ chế, chính sách, ... trong việc cung cấp và sử dụng nước sạch có tầm ảnh hưởng đến hoạt động của Bên A.

7.2 Trách nhiệm của Bên B:

- 7.2.1 Thanh toán tiền nước đầy đủ, đúng hạn được quy định tại Điều 5 của hợp đồng này.
- 7.2.2 Đảm bảo chất lượng nước cung cấp cho khách hàng sử dụng nước đạt theo tiêu chuẩn được quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 của hợp đồng này.

- 7.2.3 Thông báo và phối hợp với Bên A ghi nhận các sự cố xi, bể ống cấp 1 và cấp 2 tại vị trí sau đồng hồ tổng thuộc tài sản của Bên A và/hoặc có yêu cầu súc xả nước đục mà nguyên nhân xuất phát từ trách nhiệm của Bên A để cùng tiến hành tính toán khối lượng nước mua bán được giảm trừ.
- 7.2.4 Phối hợp, hỗ trợ với bên thứ ba có sử dụng chung nguồn nước do bên A cung cấp trong việc cung cấp nước sạch. Thông báo cho Bên A các trường hợp tạm ngưng tiếp nhận nước khi tiến hành sửa chữa hệ thống mạng lưới phân phối của mình, đặc biệt khi việc tạm ngưng tiếp nhận nước này làm ảnh hưởng đến việc cung cấp nước của Bên thứ ba có hợp đồng mua bán si nước sạch với Bên A.
- 7.2.5 Phối hợp với Bên A trong việc xử lý, khắc phục các sự cố cấp nước trong trường hợp các sự cố này xảy ra trên diện rộng, vượt phạm vi quản lý của Bên B.
- 7.2.6 Làm việc với các cơ quan quản lý nhà nước, với các phương tiện thông tin đại chúng, với nhân dân về các vấn đề có liên quan đến quy định, cơ chế, chính sách, ... trong việc cung cấp và sử dụng nước sạch trên địa bàn của Bên B.
- 7.3 Trách nhiệm chung của hai bên:
- 7.3.1 Tìm nguyên nhân về chất lượng nước khi có phản ánh của khách hàng. Nếu lỗi thuộc về bên nào thì bên đó có trách nhiệm giải quyết, bồi thường (nếu có).
- 7.3.2 Thực hiện theo các quy định của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về cung cấp nước, sử dụng nước và các văn bản pháp lý khác của Nhà nước có liên quan đến vấn đề cung cấp và sử dụng nước.

Điều 8: Các trường hợp bất khả kháng.

- 8.1 Trường hợp bất khả kháng là những sự kiện, hoàn cảnh được liệt kê dưới đây khi xảy ra nằm ngoài dự kiến và tầm kiểm soát của ít nhất một trong hai bên và bên gặp trường hợp bất khả kháng đã làm hết trách nhiệm của mình mà vẫn không ngăn chặn được như:
- Chiến tranh, thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn.
 - Khủng bố, bạo động, phá hoại có tính chất tội phạm.

- Nguồn điện cung cấp cho Bên A bị ngừng hoặc cung cấp không đảm bảo cho hoạt động sản xuất tại trạm bơm nước thô và nhà máy nước của Bên A và/hoặc các đơn vị khác mà Bên A ký hợp đồng mua nước sạch.
 - Nước thô để sản xuất nước sạch tại các nhà máy nước của Bên A và/hoặc tại các đơn vị khác mà Bên A ký hợp đồng mua nước sạch không đủ hoặc nguồn nước thô này có chất lượng thấp đến mức không thể xử lý được thành nước sạch đủ tiêu chuẩn như quy định.
 - Những tác động không lường trước như: các đơn vị thi công cầu, đường làm hư hỏng hệ thống tuyến ống truyền tải của Bên A.
- 8.2 Trong các trường hợp bất khả kháng được nêu trên, bên gặp trường hợp bất khả kháng phải gọi thông báo đến bên kia trong thời gian sớm nhất và hai bên sẽ cùng hợp tác nhanh chóng khắc phục hậu quả để tiếp tục ngay việc mua bán, cung cấp nước sạch trong thời gian sớm nhất. Nếu có thiệt hại phát sinh thì thiệt hại thuộc phạm vi quản lý của bên nào bên đó tự chịu trách nhiệm giải quyết.
- 8.3 Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên gặp trường hợp bất khả kháng được xem như không vi phạm đối với việc thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng trong thời gian và phạm vi ảnh hưởng do trường hợp bất khả kháng gây ra.

Điều 9: Thời hạn thực hiện hợp đồng.

- 9.1 Hợp đồng này thực hiện việc mua bán lượng nước từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2026.
- 9.2 Trước khi hợp đồng hết thời hạn, hai bên sẽ cùng thương thảo ký kết hợp đồng mới.
- 9.3 Hợp đồng này tự thanh lý khi hai bên hoàn thành trách nhiệm nêu tại Điều 7 của hợp đồng.

Điều 10: Điều khoản chung.

- 10.1 Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình theo quy định trong hợp đồng này và theo quy định của pháp luật. Các bất đồng ý kiến phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng sẽ được hai bên bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác và tôn trọng quyền lợi của nhau.
- 10.2 Trong thời gian thực hiện hợp đồng này, những vấn đề phát sinh (nếu có) làm ảnh hưởng đến quyền lợi của một hoặc hai bên, thì sẽ được hai bên ghi nhận, nghiên cứu để đưa vào thực hiện trong hợp đồng kế tiếp.
- 10.3 Tranh chấp giữa các bên nếu không tự giải quyết được thì sẽ do Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết. Hai bên phải tuân thủ theo phán quyết có hiệu lực của Tòa.

10.4 Việc sửa đổi, bổ sung các điều khoản của hợp đồng này phải được sự thống nhất của hai bên và phải được thể hiện bằng văn bản.

Hợp đồng này được lập thành 08 (tám) bản, mỗi bên giữ 04 (bốn) bản có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN B

ĐẠI DIỆN BÊN A

PHỤ LỤC 1

Danh sách đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng, đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định

1. Đồng hồ tổng nguồn (Outlet)

STT	Mã vị trí	Vị trí
1	nb1006	39 – Bến Vân Đồn
2	nb1013	Vườn ươm CT Phát triển CN Tân Thuận
3	nb1014	Khu chế xuất Tân Thuận
4	nb1017	Huỳnh Tấn Phát – Nguyễn Văn Linh
5	nb1018	Nguyễn Văn Tạo (Cầu Bà Chiêm D300)
6	nb1019	Nguyễn Văn Linh – Nguyễn Hữu Thọ
7	nb1020	Nguyễn Hữu Thọ – Phạm Hữu Lầu
8	nb1022	Nguyễn Văn Linh – Nguyễn Lương Bằng (Phú Mỹ Hưng)
9	nb1023	Khu Công nghiệp Hiệp Phước
10	nb1024	Nguyễn Bình (Cầu Bà Chiêm)
11	nb1025	Long Thới – Nhơn Đức
12	nb1026	Calmette – Bến Vân Đồn
13	nb1027	Khu Công nghiệp Hiệp Phước (D200)
14	nb1029	Trạm bơm tăng áp số 1
15	nb1031	Nguyễn Văn Linh
16	nb1033	Nguyễn Văn Tạo – Phan Văn Bảy
17	nb1037	Đối diện dự án Grand Sentosa 116A Nguyễn Hữu Thọ, huyện Nhà Bè

2. Đồng hồ tổng tách mạng

STT	Mã vị trí	Vị trí
18	nb2011	90 Bến Vân Đồn
19	nb2012	Cầu Ông Lớn
20	Nb2013	105D Ben Van Don - Vinh Khanh (huong Yersin) (D250)
21	nb2014	Cầu Rạch Ông 1
22	nb2015	Cầu Rạch Ông 2
23	bc2041	Chánh Hưng nối dài – Cầu Tắc Bến Rô

PHỤ LỤC 2

**Danh sách các đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng
đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định, được khai
thác trực tiếp trên tài sản (tuyến ống) của Bên A**

Stt	Danh bộ	Cỡ	Tên khách hàng	Địa chỉ	Đường	Phường	Quận/Huyện
1	19031221407	600	Cty TNHH Phát triển Phú Mỹ Hưng	801	Nguyễn Văn Linh	Tân Phú	Q.7
2	19041325786	600	Cty TNHH Tân Thuận	Tân Thuận	Tân Thuận Đông	Tân Thuận Đông	Q.7

PHỤ LỤC 3: TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt, QCVN 01-1:2024/BYT

được ban hành kèm Thông tư số 52/2024/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Y tế

CÁC THÔNG SỐ VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH VÀ NGƯỠNG GIỚI HẠN CHO PHÉP:

TT	Tên thông số	Đơn vị tính	Ngưỡng giới hạn cho phép
Các thông số nhóm A			
<i>a. Thông số vi sinh vật</i>			
1	Coliform tổng số	CFU/100 ML hoặc MPN/100mL	< 1
2	<i>E. coli</i> hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL hoặc MPN/100mL	< 1
<i>b. Thông số cảm quan và hoá học</i>			
3	Màu sắc	TCU	15
4	Mùi(*)	-	Không có mùi lạ
5	pH(*)	-	Trong khoảng 6,0-8,5
6	Độ đục	NTU	2
7	Asen (Arsenic) (As)	mg/L	0,01
8	Clo dư tự do(*)	mg/L	Trong khoảng 0,2-1,0
9	Permanganat	mg/L	2
10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	1
Các thông số nhóm B			
<i>a. Thông số vi sinh vật</i>			
11	Trực khuẩn mũ xanh (<i>Pseudomonas aeruginosa</i>)	CFU/100mL	< 1
12	Tụ cầu vàng (<i>Staphylococcus aureus</i>)	CFU/100mL	< 1
<i>b. Thông số hoá học</i>			
13	Antimon (Sb)	mg/L	0,02
14	Bari (Ba)	mg/L	1,3
15	Bor tính chung cho cả Borat và axit Boric (B)	mg/L	2,4
16	Cadmi (Cd)	mg/L	0,003
17	Chì (Plumbum) (Pb)	mg/L	0,01
18	Clorua (Chloride) (Cl ⁻)	mg/L	250 hoặc 300(**)
19	Chromi (Cr)	mg/L	0,05
20	Đồng (Cuprum) (Cu)	mg/L	1
21	Độ cứng, tính theo CaCO ₃	mg/L	300
22	Florua (Fluoride) (F ⁻)	mg/L	1,5
23	Kẽm (Zincum) (Zn)	mg/L	2
24	Mangan (Mn)	mg/L	0,1
25	Natri (Na)	mg/L	200
26	Nhôm (Aluminium) (Al)	mg/L	0,2
27	Nickel (Ni)	mg/L	0,07

TT	Tên thông số	Đơn vị tính	Ngưỡng giới hạn cho phép
28	Nitrat (NO_3^- tính theo N)	mg/L	11
29	Nitrit (NO_2^- tính theo N)	mg/L	0,9
30	Sắt (Ferrum) (Fe)	mg/L	0,3
31	Seleni (Se)	mg/L	0,04
32	Sulfat (Sulfate) (SO_4^{2-})	mg/L	250
33	Sulfua (Sulfide) (S^{2-})	mg/L	0,05
34	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	0,001
35	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	1.000
36	Xyanua (Cyanide) (CN^-)	mg/L	0,05
<i>Nhóm Alkan Clo hóa</i>			
37	1,1,1 - Trichloroethane ($\text{C}_2\text{H}_3\text{Cl}_3$)	$\mu\text{g/L}$	2.000
38	1,2 - Dichloroethane ($\text{C}_2\text{H}_4\text{Cl}_2$)	$\mu\text{g/L}$	30
39	1,2 - Dichloroethene ($\text{C}_2\text{H}_2\text{Cl}_2$)	$\mu\text{g/L}$	50
40	Carbon tetrachloride (CCl_4)	$\mu\text{g/L}$	2
41	Dichloromethane (CH_2Cl_2)	$\mu\text{g/L}$	20
42	Tetrachloroethene (C_2Cl_2)	$\mu\text{g/L}$	40
43	Trichloroethene (C_2HCl_3)	$\mu\text{g/L}$	8
44	Vinyl chloride ($\text{C}_2\text{H}_3\text{Cl}$)	$\mu\text{g/L}$	0,3
<i>Nhóm Hydrocacbua thơm</i>			
45	Benzene (C_6H_6)	$\mu\text{g/L}$	10
46	Ethylbenzene (C_8H_{10})	$\mu\text{g/L}$	300
47	Pentachlorophenol ($\text{C}_6\text{HCl}_5\text{O}$)	$\mu\text{g/L}$	9
48	Styrene (C_8H_8)	$\mu\text{g/L}$	20
49	Toluene (C_7H_8)	$\mu\text{g/L}$	700
50	Xylene (C_8H_{10})	$\mu\text{g/L}$	500
<i>Nhóm Benzen Clo hóa</i>			
51	1,2 - Dichlorobenzene ($\text{C}_6\text{H}_4\text{Cl}_2$)	$\mu\text{g/L}$	1.000
52	Monochlorobenzene ($\text{C}_6\text{H}_5\text{Cl}$)	$\mu\text{g/L}$	300
53	Tổng Trichlorobenzene ($\text{C}_6\text{H}_3\text{Cl}_3$)	$\mu\text{g/L}$	20
<i>Nhóm chất hữu cơ phức tạp</i>			
54	Acrylamide ($\text{C}_3\text{H}_5\text{NO}$)	$\mu\text{g/L}$	0,5
55	Epichlorohydrin ($\text{C}_3\text{H}_5\text{ClO}$)	$\mu\text{g/L}$	0,4
56	Hexachlorobutadiene (C_4Cl_6)	$\mu\text{g/L}$	0,6
<i>Nhóm hóa chất bảo vệ thực vật</i>			
57	1,2- Dibromo - 3 chloropropane ($\text{C}_3\text{H}_5\text{Br}_2\text{Cl}$)	$\mu\text{g/L}$	1
58	1,2 - Dichloropropane ($\text{C}_3\text{H}_6\text{Cl}_2$)	$\mu\text{g/L}$	40
59	1,3- Dichloropropene ($\text{C}_3\text{H}_4\text{Cl}_2$)	$\mu\text{g/L}$	20
60	2,4-D ($\text{C}_8\text{H}_6\text{Cl}_2\text{O}_3$)	$\mu\text{g/L}$	30
61	2,4 - DB ($\text{C}_{10}\text{H}_{10}\text{Cl}_2\text{O}_3$)	$\mu\text{g/L}$	90
62	Alachlor ($\text{C}_{14}\text{H}_{20}\text{ClNO}_2$)	$\mu\text{g/L}$	20

TT	Tên thông số	Đơn vị tính	Ngưỡng giới hạn cho phép
63	Aldicarb (C ₇ H ₁₄ N ₂ O ₂ S)	µg/L	10
64	Atrazine (C ₈ H ₁₄ ClN ₅) và các dẫn xuất chloro-s-triazine	µg/L	100
65	Carbofuran (C ₁₂ H ₁₅ NO ₃)	µg/L	5
66	Chlorpyrifos (C ₉ H ₁₁ Cl ₃ NO ₃ PS)	µg/L	30
67	Chlordane (C ₁₀ H ₆ Cl ₈)	µg/L	0,2
68	Chlorotoluron (C ₁₀ H ₁₃ ClN ₂ O)	µg/L	30
69	Cyanazine (C ₉ H ₁₃ ClN ₆)	µg/L	0,6
70	DDT (C ₁₄ H ₉ Cl ₅) và các dẫn xuất	µg/L	1
71	Dichlorprop (C ₉ H ₈ Cl ₂ O ₃)	µg/L	100
72	Fenoprop (C ₉ H ₇ Cl ₃ O ₃)	µg/L	9
73	Hydroxyatrazine (C ₈ H ₁₅ N ₅ O)	µg/L	200
74	Isoproturon (C ₁₂ H ₁₈ N ₂ O)	µg/L	9
75	MCPA (C ₉ H ₉ ClO ₃)	µg/L	2
76	Mecoprop (C ₁₀ H ₁₁ ClO ₃)	µg/L	10
77	Methoxychlor (C ₁₆ H ₁₅ Cl ₃ O ₂)	µg/L	20
78	Molinate (C ₉ H ₁₇ NOS)	µg/L	6
79	Pendimethalin (C ₁₃ H ₁₉ N ₃ O ₄)	µg/L	20
80	Permethrin (C ₂₁ H ₂₀ Cl ₂ O ₃)	µg/L	20
81	Propanil (C ₉ H ₉ Cl ₂ NO)	µg/L	20
82	Simazine (C ₇ H ₁₂ ClN ₅)	µg/L	2
83	Trifluralin (C ₁₃ H ₁₆ F ₃ N ₃ O ₄)	µg/L	20
<i>Nhóm hóa chất khử trùng và sản phẩm phụ</i>			
84	2,4,6 - Trichlorophenol (C ₆ H ₂ Cl ₃ OH)	µg/L	200
85	Bromat (BrO ₃ ⁻)	µg/L	10
86	Formaldehyde (CH ₂ O)	µg/L	500
87	Monochloramine (NH ₂ Cl)	µg/L	3.000
<i>Nhóm Trihalomethane (THM)</i>			
88	Bromodichloromethane (CHBrCl ₂)	µg/L	60
89	Bromoform (CHBr ₃)	µg/L	100
90	Chloroform (CHCl ₃)	µg/L	300
91	Dibromochloromethane (CHBr ₂ Cl)	µg/L	100
<i>Nhóm Halogenated acetonitrile</i>			
92	Dibromoacetonitrile (C ₂ HBr ₂ N)	µg/L	70
93	Dichloroacetonitrile (C ₂ HCl ₂ N)	µg/L	20
94	Trichloroacetonitrile (C ₂ Cl ₃ N)	µg/L	1
<i>Nhóm Haloacetic acid (HAA)</i>			
95	Acid monochloroacetic (C ₂ H ₃ ClO ₂)	µg/L	20
96	Acid dichloroacetic (C ₂ H ₂ Cl ₂ O ₂)	µg/L	50
97	Acid trichloroacetic (C ₂ HCl ₃ O ₂)	µg/L	200
<i>c. Thông số nhiễm xạ</i>			

TT	Tên thông số	Đơn vị tính	Ngưỡng giới hạn cho phép
98	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	0,1
99	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	1,0

**PHỤ LỤC 4: MẪU BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH LƯỢNG NƯỚC MUA BÁN SỈ
CỦA CÔNG TY CPCN NHÀ BÈ KỶ .../...**

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
XÍ NGHIỆP TRUYỀN DẪN NƯỚC SẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



Số: _____/BB-TDNS-QLDHT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

**BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH LƯỢNG NƯỚC MUA BÁN SỈ
CỦA CÔNG TY CPCN NHÀ BÈ KỶ .../...**

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm, tại Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè chúng tôi gồm:

Bên A: Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn

Ông: (Xí nghiệp Truyền dẫn Nước sạch)

Bên B: Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè

Ông:

Cùng xác định lượng nước mua bán sỉ của kỳ .../... như sau:

Từ ngày .../.../... đến ngày .../.../... (... ngày)

a. LƯỢNG NƯỚC QUA ĐỒNG HỒ TỔNG (A1)

Stt	Mã vị trí	Tên khu vực đồng hồ	Chiều tách mạng	C/s kỳ trước (.../.../...)	C/s kỳ này (.../.../...)	Lượng nước qua đồng hồ (m ³)	Ghi chú
1							
2							
...					
CỘNG							(A1)

b. LƯỢNG NƯỚC GIẢM TRỪ (nếu có) (B)

Stt	Số biên bản Ngày phát hành	Nội dung giảm trừ	Đơn vị thi công	Lượng nước giảm trừ (m ³)	Ghi chú
1					
2					
...					

c. LƯỢNG NƯỚC GIẢM TRỪ (CHƯA THÔNG NHÁT)

i. BÊN A

1.
2.

3.

Ý kiến đề nghị:

ii. BÊN B

1.

2.

3.

Ý kiến đề nghị:

d. LƯỢNG NƯỚC QUA ĐỒNG HỒ KHÁCH HÀNG CŨNG LÀ ĐỒNG HỒ TỔNG (nếu có) (A2)

Số biên bản	Ngày phát hành	Số lượng đồng hồ	Lượng nước	Ghi chú
...				
...				

e. TỔNG LƯỢNG NƯỚC MUA BÁN SỈ

1	(A1)	Lượng nước qua đồng hồ tổng		(m ³)
2	(A2)	Lượng nước qua ĐHT cũng là ĐH khách hàng		(m ³)
3	(B)	Lượng nước giảm trừ		(m ³)
		TỔNG CỘNG: (A1) + (A2) - (B)		(m ³)

Bên B

Công ty CPCN Nhà Bè

Ban GNKDT

Giám đốc

Bên A

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN
 Xí nghiệp truyền dẫn nước sạch

Đội QLĐHT

Giám đốc

Tổng Giám đốc

PHỤ LỤC 5: MẪU THÔNG BÁO SỐ TIỀN PHẢI THANH TOÁN

ỦY BAN NHÂN DÂN TP. HỒ CHÍ MINH
TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



Số: _____/TB-TCT-.....

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

THÔNG BÁO SỐ TIỀN PHẢI THANH TOÁN KHỐI LƯỢNG NƯỚC MUA BÁN KỶ ... NĂM ...

- Căn cứ hợp đồng mua bán si nước sạch số ... ngày ...
- Căn cứ Biên bản ghi nhận khối lượng nước mua bán kỳ ... năm ..., ngày ... giữa Tổng Công Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên và Công ty Cổ phần Cấp nước ...

Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên thông báo số tiền Quý Công ty phải thanh toán cho khối lượng nước mua bán kỳ .../năm... như sau:

- Khối lượng nước mua bán: ... m³
- Đơn giá: ... đồng/m³.
- Thành tiền: ... đồng.
- Thuế giá trị gia tăng: đồng.
- **Tổng số tiền phải thanh toán:** ... đồng.

Đề nghị Quý Công ty thanh toán tiền nước mua si vào ngày __ tháng __ năm __.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- CTCPCN ...
- P.KTTC.
- P.KDDVKH.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

PHỤ LỤC 6:
QUY TRÌNH XỬ LÝ, TRƯỜNG HỢP TÍNH TRUNG BÌNH
VÀ QUY TẮC ỨNG XỬ TRONG CÁC TRƯỜNG HỢP GẶP SỰ CỐ, NGHI
NGỜ TÍNH CHÍNH XÁC CỦA ĐỒNG HỒ TỔNG

1. Quy trình xử lý khi đồng hồ tổng có sự cố bất thường.

Trong trường hợp có đồng hồ tổng có chỉ số khối lượng bất thường do các sự cố như đồng hồ hư hỏng, dữ liệu của bộ ghi nhận dữ liệu không liên tục hoặc lệch với chỉ số đồng hồ, hoặc do hết pin ... thì thực hiện theo quy trình sau:

- 1.1. Bên A ghi nhận hoặc tiếp nhận thông tin đồng hồ tổng khi có sự bất thường về chỉ số và hư hỏng trong quá trình quản lý hoặc do Bên B phản ánh.
- 1.2. Trong thời gian không quá 02 ngày, Bên A sẽ thông báo cho các đơn vị liên quan kiểm tra, đánh giá xác nhận tình trạng đồng hồ tổng tại hiện trường và đưa ra hướng xử lý.
- 1.3. Bên A sẽ lên kế hoạch triển khai và thực hiện công tác khắc phục sự cố từng trường hợp như sau:
 - 1.3.1. Trường hợp đồng hồ hoặc bộ ghi nhận và truyền dữ liệu bị sự cố có thể khắc phục tại hiện trường (thay pin, thay nối dây tín hiệu, thay bộ hiển thị, đấu nối tiếp đất ...) thì Bên A sẽ xử lý, khắc phục trong vòng 03 ngày làm việc và có sự chứng kiến, ký biên bản xác nhận của các bên liên quan.
 - 1.3.2. Trường hợp đồng hồ tổng gặp sự cố không khắc phục được tại hiện trường, Bên A sẽ phối hợp các đơn vị liên quan thay thế đồng hồ hiện hữu bằng đồng hồ đã được kiểm định trong vòng 07 ngày, đồng thời niêm phong đồng hồ hiện hữu, đem kiểm định tại cơ quan có chức năng có thẩm quyền để xác định tình trạng đồng hồ trên (biên bản niêm phong phải có xác nhận của các bên).

2. Các trường hợp tính bình quân lượng nước cung cấp và bán sỉ trong thời gian đồng hồ tổng hư hỏng hoặc không có đồng hồ đo đếm.

2.1. Trường hợp 1: đồng hồ tổng bị hư hỏng, sự cố nhiều nhất 10 ngày trong cùng kỳ.

Tính toán khối lượng bình quân ngày cho những ngày đồng hồ tổng gặp sự cố, hư hỏng bằng khối lượng bình quân theo những ngày còn lại trong kỳ.

2.2. Trường hợp 2: đồng hồ tổng bị hư hỏng, sự cố nhiều hơn 10 ngày.

- 2.2.1. Tính toán khối lượng bình quân ngày cho những ngày đồng hồ tổng gặp sự cố, hư hỏng bằng khối lượng bình quân ngày theo 03 kỳ đầy đủ đã thống nhất khối lượng trước đó (không sử dụng Kỳ có ngày Tết âm lịch để tính).
- 2.2.2. Trong trường hợp không đủ khối lượng ổn định liên tục 03 kỳ thì tính khối lượng bình quân cho những ngày đồng hồ gặp sự cố bằng khối lượng bình quân theo số ngày thực tế đồng hồ tổng ghi nhận trước đó nhưng không ít hơn 10 ngày liên tục.

2.3. Trường hợp 3: đồng hồ tổng mới lắp đặt bị sự cố (không có dữ liệu tại các thời điểm trước đó).

- 2.3.1. Đồng hồ tổng có dữ liệu ít nhất 10 ngày liên tục được tính như Mục 2.2.2.
- 2.3.2. Đồng hồ tổng có dữ liệu ít hơn 10 ngày, khối lượng tạm tính bằng không. Sau khi đồng hồ tổng được thay thế hoặc khắc phục sẽ sử dụng khối lượng trung bình của 10 ngày liên tục sau khi hoạt động để tính toán lại khối lượng cho thời gian các ngày tạm tính.
- 2.3.3. Bên A sẽ nhanh chóng lên kế hoạch và khắc phục sự cố như mục 1.3 nêu trên.

2.4. Trường hợp 4: đồng hồ tổng gặp sự cố, hư hỏng hoặc hoạt động không ổn định rơi vào những ngày lễ, tết

- Khối lượng tiêu thụ vào những ngày này có thể thấp hoặc cao hơn so với ngày thường. Tính lượng nước bình quân trong thời gian đồng hồ tổng xảy ra sự cố vào dịp lễ, tết sẽ tính theo “hệ số K”.
- Khối lượng tính bình quân ngày cho thời gian đồng hồ tổng hư hỏng = K x khối lượng bình quân ngày theo mục 2.1 hoặc mục 2.2.

$$K = \frac{\text{Khối lượng bình quân các ngày lễ tết của năm trước tương ứng với các ngày cần tính trung bình}}{\text{Khối lượng bình quân 10 ngày trước khi đồng hồ bị hư tương ứng của năm trước}}$$

2.5. Trường hợp 5: đồng hồ tổng hoạt động bình thường, bộ ghi nhận và truyền dữ liệu bị hư hỏng và không có chỉ số đọc trên bộ hiển thị đầu kỳ:

- Bị sự cố nhiều nhất 10 ngày trong cùng kỳ: Tính toán khối lượng bình quân ngày cho những ngày bộ ghi nhận và truyền dữ liệu gặp sự cố, hư hỏng bằng khối lượng bình quân theo những ngày còn lại trong kỳ.
- Bị sự cố trên 10 ngày trong cùng kỳ: Tính toán khối lượng bằng khối lượng bình quân ngày theo 03 kỳ đã thống nhất khối lượng trước đó (không sử dụng Kỳ có ngày Tết âm lịch để tính).

2.6. Trường hợp 6: đồng hồ tổng mới thay thế có khối lượng bình quân ngày chênh lệch bất thường so với dữ liệu khối lượng bình quân ngày quá khứ:

- Đồng hồ tổng sau khi được thay thế (đảm bảo yêu cầu pháp lý kỹ thuật). Bên A sẽ theo dõi khối lượng và xử lý chênh lệch bất thường so với dữ liệu khối lượng bình quân ngày quá khứ. Khi đó khối lượng sẽ được tạm tính theo mục 2.2.
- Trường hợp này Bên B cung cấp dữ liệu các đồng hồ DMA và đồng hồ khách hàng (nếu có) khu vực lân cận (do đồng hồ tổng này cung cấp) cho Bên A,

cùng phối hợp xử lý phân tích dữ liệu, đưa ra hướng giải quyết khắc phục sự cố của đồng hồ tổng.

- Trường hợp giải quyết theo phương án thay thế đồng hồ hiện hữu bằng đồng hồ khác (hoặc sửa chữa) thì sử dụng khối lượng trung bình của 10 ngày liên tục sau khi hoạt động để tính toán lại khối lượng cho thời gian tạm tính.

3. Quy tắc ứng xử khi có nghi ngờ về độ chính xác của đồng hồ tổng

- 3.1.** Khi Bên B nghi ngờ độ chính xác của các đồng hồ tổng thì có quyền yêu cầu Bên A thực hiện việc kiểm tra đồng hồ thông qua văn bản chính thức.
- 3.2.** Sau khi nhận được yêu cầu kiểm tra đồng hồ nghi ngờ, Bên A sẽ thực hiện kiểm tra bằng các thiết bị kiểm tra tại hiện trường với sự chứng kiến của các bên.
- 3.3.** Trong trường hợp Bên B yêu cầu phải có kiểm tra của cơ quan chức năng có thẩm quyền, Bên A sẽ thực hiện tháo gỡ, thay thế đồng hồ hiện hữu bằng đồng hồ đã kiểm định tại vị trí này trong thời gian ngắn nhất. Đồng hồ bị nghi ngờ độ chính xác sẽ được niêm phong mang đi kiểm định tại cơ quan chức năng có thẩm quyền.
- 3.4.** Lượng nước mua bán si trong thời gian từ khi Bên B yêu cầu kiểm tra đến khi thay đồng hồ đã được kiểm định sẽ được tạm tính theo trường hợp quy định tại mục 2.2.
- 3.5.** Sau khi có kết quả kiểm định, căn cứ vào kết quả:
 - 3.5.1.** Trường hợp đồng hồ có kết quả kiểm định có độ chính xác trong giới hạn cho phép: tất cả các chi phí liên quan bao gồm phí kiểm định, chi phí tháo dỡ, lắp đặt đồng hồ và các chi phí liên quan khác sẽ do Bên B chịu trách nhiệm chi trả.
 - 3.5.2.** Trường hợp đồng hồ có kết quả kiểm định có độ chính xác vượt giới hạn cho phép: Bên A sẽ chịu trách nhiệm chi trả tất cả chi phí liên quan.
 - 3.5.3.** Lượng nước đã tạm tính ở mục 3.4 sẽ được so sánh khối lượng đo đếm thực tế 10 ngày liên tục sau khi hoạt động của đồng hồ đã kiểm định để truy thu hoặc giảm trừ.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2026

BẢN THỎA THUẬN

Về Hợp đồng mua bán si nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2026

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch và Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Thông tư số 23/2013/TT-BKHHCN ngày 26 tháng 9 năm 2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2; Thông tư số 07/2019/TT-BKHHCN ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 23/2013/TT-BKHHCN ngày 26 tháng 9 năm 2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2; Thông tư số 03/2024/TT-BKHHCN ngày 15 tháng 4 năm 2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2013/TT-BKHHCN ngày 26 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2019/TT-BKHHCN ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;

Theo nhu cầu, khả năng của hai bên;

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm 2026, tại trụ sở Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV, số 01 Công Trường Quốc Tế, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi gồm:

BÊN A: TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN – TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN:

Ông: **Đặng Đức Hiền**

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc làm đại diện.

Giấy ủy quyền: Số 8412/GUQ-TCT-KDDVKH ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHÀ BÈ:

Ông: **Dương Văn Hòa**

Chức vụ: Giám đốc làm đại diện.

Cùng thỏa thuận về một số vấn đề liên quan đến Hợp đồng mua bán si nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2026 giữa hai bên như sau:

Hai bên thống nhất Hợp đồng mua bán si nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2026 sẽ thực hiện việc mua bán si nước sạch qua đồng hồ tổng. Hợp đồng mua bán si nước sạch qua đồng hồ tổng sẽ thực hiện theo các nội dung và nguyên tắc sau:

I./ VỀ NỘI DUNG CỦA HỢP ĐỒNG:

Hợp đồng mua bán si nước sạch qua đồng hồ tổng sẽ bao gồm các điều khoản sau:

- Khối lượng nước mua bán.
- Ghi nhận, tính toán khối lượng nước.
- Chất lượng nước sạch.
- Đơn giá mua bán.
- Thanh toán.
- Các trường hợp ngưng cung cấp nước, ngưng tiếp nhận nước.
- Trách nhiệm của các bên.
- Các trường hợp bất khả kháng.
- Thời hạn thực hiện hợp đồng.
- Điều khoản chung.

II./ NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH KHỐI LƯỢNG NƯỚC MUA BÁN:

1. Khối lượng nước mua bán:

Khối lượng nước mua bán là lượng nước thực vào địa bàn của Bên B được xác định mỗi kỳ 01 lần vào ngày 25 của mỗi tháng thông qua việc đọc số tại hiện trường và/hoặc thông qua bộ ghi nhận và truyền dữ liệu (Data logger) của các đồng hồ tổng nguồn, các đồng hồ tổng tách mạng và đồng hồ nước khách hàng được xem là đồng hồ tổng, trong đó có giảm trừ lượng nước đục mà nguyên nhân xuất phát từ trách nhiệm của Bên A.

2. Xác định khối lượng nước mua bán:

2.1 Thiết bị đo đếm:

Khối lượng nước mua bán si hàng kỳ được ghi nhận qua hệ thống đồng hồ tổng, được phân thành 03 loại: Đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng. Trong hợp đồng mua bán si nước sạch gọi chung 03 loại này là đồng hồ tổng, được định nghĩa và hiểu như sau:

- Đồng hồ tổng nguồn: là các đồng hồ ghi nhận khối lượng nước đi vào hoặc đi ra mạng lưới đường ống của Bên B (Phụ lục 1).
- Đồng hồ tổng tách mạng: là các đồng hồ ghi nhận khối lượng nước qua lại giữa Bên B và Bên thứ ba có hợp đồng mua si nước sạch của Bên A (Phụ lục 1).
- Đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng:
 - Là đồng hồ đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định, chưa được ghi nhận qua đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng (Phụ lục 1).
 - Là đồng hồ đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định, được khai thác trực tiếp trên tài sản (tuyến ống) của Bên A (Phụ lục 2).

2.2 Cách tính lượng nước mua bán si :

a. Trường hợp đồng hồ tổng hoạt động bình thường:

Lượng nước mua bán si được xác định:

$$Q = \sum_i Q_i - \text{Lượng nước giảm trừ}$$

Với: Q_i : là lượng nước các đồng hồ tổng (cả 03 loại) ghi nhận được trong thời gian mua bán si.

Lượng nước giảm trừ được xác định khi xảy ra các trường hợp xuất hiện xì, bể ống cấp 1 và cấp 2 tại vị trí sau đồng hồ tổng thuộc tài sản của Bên A hoặc có yêu cầu xúc xả nước đục mà nguyên nhân xuất phát từ trách nhiệm của Bên A. Khi đó hai bên sẽ cùng tiến hành ghi nhận làm cơ sở cho việc tính toán khối lượng nước mua bán.

b. Trường hợp đồng hồ tổng đo đếm có sự cố:

Hai bên thống nhất bổ sung quy trình xử lý, các trường hợp tính trung bình và quy tắc ứng xử trong các trường hợp đồng hồ tổng gặp sự cố, nghi ngờ tính chính xác của đồng hồ tổng như sau:

❖ Quy trình xử lý các đồng hồ tổng gặp sự cố được thực hiện như sau:

Trong trường hợp có đồng hồ tổng có chỉ số khối lượng bất thường do các sự cố như đồng hồ hư hỏng, dữ liệu của bộ ghi nhận dữ liệu không liên tục hoặc lệch với chỉ số đồng hồ, hoặc do hết pin ... thì thực hiện theo quy trình sau:

- + Bên A ghi nhận hoặc tiếp nhận thông tin đồng hồ tổng khi có sự bất thường về chỉ số và hư hỏng trong quá trình quản lý hoặc do Bên B phản ánh.
- + Trong thời gian không quá 02 ngày, Bên A sẽ thông báo cho các đơn vị liên quan kiểm tra, đánh giá xác nhận tình trạng đồng hồ tổng tại hiện trường và đưa ra hướng xử lý.
- + Bên A sẽ lên kế hoạch triển khai và thực hiện công tác khắc phục sự cố từng trường hợp như sau:

Trường hợp đồng hồ hoặc bộ ghi nhận và truyền dữ liệu bị sự cố có thể khắc phục tại hiện trường (thay pin, thay nối dây tín hiệu, thay bộ hiển thị, đấu nối tiếp đất ...) thì Bên A sẽ xử lý, khắc phục trong vòng 03 ngày làm việc và có sự chứng kiến, ký biên bản xác nhận của các bên liên quan.

Trường hợp đồng hồ tổng gặp sự cố không khắc phục được tại hiện trường, Bên A sẽ phối hợp các đơn vị liên quan thay thế đồng hồ hiện hữu bằng đồng hồ đã được kiểm định trong vòng 07 ngày, đồng thời niêm phong đồng hồ hiện hữu, đem kiểm định tại cơ quan có chức năng có thẩm quyền để xác định tình trạng đồng hồ trên (biên bản niêm phong phải có xác nhận của các bên).

❖ Các trường hợp tính trung bình lượng nước cung cấp và bán sỉ trong thời gian đồng hồ tổng hư hỏng hoặc không có đồng hồ đo đếm:

- + ***Trường hợp 1: đồng hồ tổng bị hư hỏng, sự cố nhiều nhất 10 ngày trong cùng kỳ.***

Tính toán khối lượng bình quân ngày cho những ngày đồng hồ tổng gặp sự cố, hư hỏng bằng khối lượng bình quân theo những ngày còn lại trong kỳ.

- + ***Trường hợp 2: đồng hồ tổng bị hư hỏng, sự cố nhiều hơn 10 ngày.***

Tính toán khối lượng bình quân ngày cho những ngày đồng hồ tổng gặp sự cố, hư hỏng bằng khối lượng bình quân ngày theo 03 kỳ đầy đủ, đã thống nhất khối lượng trước đó (không sử dụng Kỳ có ngày Tết âm lịch để tính).

Trong trường hợp không đủ khối lượng ổn định liên tục 03 kỳ thì tính khối lượng bình quân cho những ngày đồng hồ gặp sự cố bằng khối lượng bình quân theo số ngày thực tế đồng hồ tổng ghi nhận trước đó nhưng không ít hơn 10 ngày liên tục.

- + **Trường hợp 3: đồng hồ tổng mới lắp đặt bị sự cố (không có dữ liệu tại các thời điểm trước đó).**

Đồng hồ tổng có dữ liệu ít nhất 10 ngày liên tục được tính như Mục 2 của Trường hợp 2.

Đồng hồ tổng có dữ liệu ít hơn 10 ngày, khối lượng tạm tính bằng không. Sau khi đồng hồ tổng được thay thế hoặc khắc phục sẽ sử dụng khối lượng trung bình của 10 ngày liên tục sau khi hoạt động để tính toán lại khối lượng cho thời gian các ngày tạm tính.

Bên A sẽ nhanh chóng lên kế hoạch và khắc phục sự cố như mục 3 của Quy trình xử lý các đồng hồ tổng gặp sự cố nêu trên.

- + **Trường hợp 4: đồng hồ tổng gặp sự cố, hư hỏng hoặc hoạt động không ổn định rơi vào những ngày lễ, tết**

Khối lượng tiêu thụ vào những ngày này có thể thấp hoặc cao hơn so với ngày thường. Tính lượng nước bình quân trong thời gian đồng hồ tổng xảy ra sự cố vào dịp lễ, tết sẽ tính theo “hệ số K”.

Khối lượng tính bình quân ngày cho thời gian đồng hồ tổng hư hỏng = K x khối lượng bình quân ngày theo Trường hợp 1 hoặc Trường hợp 2.

$$K = \frac{\text{Khối lượng bình quân các ngày lễ tết của năm trước tương ứng với các ngày cần tính trung bình}}{\text{Khối lượng bình quân 10 ngày trước khi đồng hồ bị hư tương ứng của năm trước}}$$

- + **Trường hợp 5: đồng hồ tổng hoạt động bình thường, bộ ghi nhận và truyền dữ liệu bị hư hỏng và không có chỉ số đọc trên bộ hiển thị đầu kỳ:**

Bị sự cố nhiều nhất 10 ngày trong cùng kỳ: Tính toán khối lượng bình quân ngày cho những ngày bộ ghi nhận và truyền dữ liệu gặp sự cố, hư hỏng bằng khối lượng bình quân theo những ngày còn lại trong kỳ.

Bị sự cố trên 10 ngày trong cùng kỳ: Tính toán khối lượng bằng khối lượng bình quân ngày theo 03 kỳ đã thống nhất khối lượng trước đó (không sử dụng Kỳ có ngày Tết âm lịch để tính).

+ **Trường hợp 6: đồng hồ tổng mới thay thế có khối lượng bình quân ngày chênh lệch bất thường so với dữ liệu khối lượng bình quân ngày quá khứ:**

Đồng hồ tổng sau khi được thay thế (đảm bảo yêu cầu pháp lý kỹ thuật). Bên A sẽ theo dõi khối lượng và xử lý chênh lệch bất thường so với dữ liệu khối lượng bình quân ngày quá khứ. Khi đó khối lượng sẽ được tạm tính theo Trường hợp 2.

Trường hợp này Bên B cung cấp dữ liệu các đồng hồ DMA và đồng hồ khách hàng (nếu có) khu vực lân cận (do đồng hồ tổng này cung cấp) cho Bên A, cùng phối hợp xử lý phân tích dữ liệu, đưa ra hướng giải quyết khắc phục sự cố của đồng hồ tổng.

Trường hợp giải quyết theo phương án: thay thế đồng hồ hiện hữu bằng đồng hồ khác (hoặc sửa chữa) thì sử dụng khối lượng trung bình của 10 ngày liên tục sau khi hoạt động để tính toán lại khối lượng cho thời gian tạm tính.

❖ Quy tắc ứng xử khi có nghi ngờ về độ chính xác của đồng hồ tổng:

- + Khi Bên B nghi ngờ độ chính xác của các đồng hồ tổng thì có quyền yêu cầu Bên A thực hiện việc kiểm tra đồng hồ thông qua văn bản chính thức.
- + Sau khi nhận được yêu cầu kiểm tra đồng hồ nghi ngờ, Bên A sẽ thực hiện kiểm tra bằng các thiết bị kiểm tra tại hiện trường với sự chứng kiến của các bên.
- + Trong trường hợp Bên B yêu cầu phải có kiểm tra của cơ quan chức năng có thẩm quyền, Bên A sẽ thực hiện tháo gỡ, thay thế đồng hồ hiện hữu bằng đồng hồ đã kiểm định tại vị trí này trong thời gian ngắn nhất. Đồng hồ bị nghi ngờ độ chính xác sẽ được niêm phong mang đi kiểm định tại cơ quan chức năng có thẩm quyền.
- + Lượng nước mua bán si trong thời gian từ khi Bên B yêu cầu kiểm tra đến khi thay đồng hồ đã được kiểm định sẽ được tạm tính theo trường hợp quy định tại Trường hợp 2.
- + Sau khi có kết quả kiểm định, căn cứ vào kết quả:

Trường hợp đồng hồ có kết quả kiểm định có độ chính xác trong giới hạn cho phép: tất cả các chi phí liên quan bao gồm phí kiểm định, chi phí tháo dỡ, lắp đặt đồng hồ và các chi phí liên quan khác sẽ do Bên B chịu trách nhiệm chi trả.

Trường hợp đồng hồ có kết quả kiểm định có độ chính xác vượt giới hạn cho phép: Bên A sẽ chịu trách nhiệm chi trả tất cả chi phí liên quan.

Lượng nước đã tạm tính ở mục 4 của Quy tắc ứng xử khi có nghi ngờ về độ chính xác của đồng hồ tổng sẽ được so sánh khối lượng đo đếm thực tế 10 ngày liên tục sau khi hoạt động của đồng hồ đã kiểm định để truy thu hoặc giảm trừ.

2.3 Công tác đọc số đồng hồ tổng:

Hàng kỳ, 02 bên cử đại diện để tiến hành ghi nhận chỉ số tiêu thụ và lập biên bản ghi nhận chỉ số tiêu thụ đồng hồ tổng. Việc phối hợp thực hiện như sau:

- Đối với đồng hồ tổng nguồn và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng: Bên A và Bên B.
- Đồng hồ tổng tách mạng: Bên A, Bên B và Bên thứ ba có hợp đồng mua si nước sạch của Bên A. Bên thứ ba sẽ được xác định trước và lập danh sách các đồng hồ tổng này để cùng tiến hành ghi nhận khối lượng nước mua bán.

2.4 Thời gian đọc số đồng hồ tổng:

Việc đọc số đồng hồ tổng được xác định vào ngày 25 hàng tháng.

Đối với đồng hồ tổng không có bộ ghi nhận dữ liệu, thời gian đọc chỉ số trên bộ hiển thị của đồng hồ tổng giữa 02 (hai) kỳ không được lệch quá 60 phút.

III./ VỀ ĐƠN GIÁ MUA BÁN:

1. Hai bên thống nhất xác định đơn giá hợp đồng mua bán si nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2026 như sau:

$$GBS_{2026} = GBS_{2025} * (1 + \% \text{ Tốc độ tăng hoặc giảm thực tế giá bán lẻ bình quân})$$

Trong đó:

- GBS_{2025} : là đơn giá mua bán si cho lượng nước khách hàng sử dụng khai thác trực tiếp trên tài sản (tuyến ống) của Bên B năm 2025 tăng theo tốc độ tăng giá bán lẻ bình quân đạt được của năm 2025 so với năm 2024. Cụ thể là **7.391,67 đồng/m³**.
 - $\% \text{ Tốc độ tăng hoặc giảm thực tế giá bán lẻ bình quân}$: là tốc độ tăng hoặc giảm giá bán lẻ bình quân thực tế năm 2026 so với giá bán lẻ bình quân thực tế năm 2025.
2. Hai bên thống nhất Hợp đồng mua bán si nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2026 sẽ được tính theo 02 đơn giá như sau:
 - Đơn giá mua bán của khối lượng nước được ghi nhận tại đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng, đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng đo đếm

khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định (Phụ lục 1) là 7.391,67 $\text{đồng}/\text{m}^3$. Đơn giá này sẽ được tính toán lại vào cuối năm theo nguyên tắc xác định đơn giá trên.

- Đơn giá mua bán của khối lượng nước được ghi nhận tại đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định, được khai thác trực tiếp trên tài sản (tuyến ống) của Bên A (Phụ lục 2) được tính bằng 70% (bảy mươi phần trăm) giá bán bình quân áp dụng cho khách hàng của Bên B xác định, tại thời điểm ghi nhận khối lượng nước mua bán của các đồng hồ này.

3. Đơn giá mua bán trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

4. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, hai bên sẽ thương thảo, tính toán lại đơn giá cho phù hợp với tình hình thực tế.

IV./ VỀ THANH TOÁN:

Hàng tháng Bên B sẽ thanh toán tiền mua bán si nước sạch cho Bên A thành 03 (ba) đợt như sau:

- Đợt 1: Ngày 05 (năm) của tháng liền kề sau ngày ghi nhận khối lượng nước mua bán, Bên B thanh toán cho Bên A số tiền là 20.000.000.000 (hai mươi tỷ) đồng.

- Đợt 2: Ngày 15 (mười lăm) của tháng liền kề sau ngày ghi nhận khối lượng nước mua bán, Bên B thanh toán tiếp cho Bên A số tiền là 26.000.000.000 (hai mươi sáu tỷ) đồng.

- Đợt 3: Ngày 25 (hai mươi lăm) của tháng liền kề sau ngày ghi nhận khối lượng nước mua bán, Bên B thanh toán dứt điểm cho Bên A số tiền còn lại.

Trường hợp ngày thanh toán rơi vào ngày thứ bảy, chủ nhật hoặc ngày nghỉ theo quy định thì ngày thanh toán được dời vào ngày liền kề sau đó.

Thanh toán tiền mua bán si nước sạch bằng hình thức chuyển khoản.

Trong thời gian thực hiện hợp đồng mua bán si nước sạch qua đồng hồ tổng, nếu có những phát sinh vượt dự kiến, hai bên sẽ cùng thương thảo để điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế.

Bản thỏa thuận này được lập thành 02 (hai) bản, mỗi bên giữ 01 (một) bản có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN B

ĐẠI DIỆN BÊN A

Tp. HCM, ngày 02 tháng 4 năm 2026

Số: **0946**/TTr-CNNB

TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty; thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật số 76/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè.

Nhằm đảm bảo hệ thống văn bản quản trị của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành, đặc biệt là các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành; đồng thời hoàn thiện cơ chế quản trị, nâng cao tính minh bạch và hiệu quả trong hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, Công ty tiến hành rà soát, cập nhật và sửa đổi, bổ sung các văn bản nội bộ liên quan đến quản trị công ty.

Trên cơ sở đó, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc sửa đổi, bổ sung các văn bản quản trị của Công ty:

1. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
2. Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty;
3. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;
4. Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

(Kèm theo Tờ trình này là bảng tổng hợp so sánh các nội dung sửa đổi, bổ sung giữa dự thảo của Điều lệ và các Quy chế so với Điều lệ và Quy chế hiện hành).

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè xem xét và thông qua các nội dung nêu trên để làm cơ sở triển khai thực hiện.

Nơi nhận:

- ĐHCĐ;
- HĐQT;
- BKS;
- BGD;
- Lưu VT, HS.HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Huỳnh Hào Tài

Số: **0947** /TTr-CNNB

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH
Về việc bầu bổ sung thành viên độc lập Hội đồng quản trị

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán 2019 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè.

- Theo quy định tại khoản 4 Điều 276 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán:

“Số lượng thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải đảm bảo quy định sau:

a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;

b) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;

c) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.”

- Theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 15 Văn bản hợp nhất số 09/VBHN-BTC ngày 06/5/2022 của Bộ Tài chính quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán, mức xử phạt đối với vi phạm quy định nêu trên như sau:

“Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với công ty đại chúng thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau

a. Không đảm bảo số lượng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật; không đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành; không đảm bảo cơ cấu, số lượng thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định”.

Hiện nay, Hội đồng quản trị Công ty có 07 thành viên, đại diện cho các cổ đông lớn.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 276 Nghị định 155/2020/NĐ-CP, công ty niêm yết có từ 06 đến 08 thành viên Hội đồng quản trị phải có **tối thiểu 03 thành viên độc lập**.

Đối chiếu với quy định nêu trên, hiện tại Hội đồng quản trị Công ty chưa có thành viên độc lập, do đó chưa đảm bảo cơ cấu theo quy định pháp luật.

Theo quy định tại văn bản pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán, hành vi không đảm bảo cơ cấu, số lượng thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định có thể bị xử phạt theo quy định hiện hành.

Nhằm đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và hoàn thiện cơ cấu quản trị theo chuẩn công ty niêm yết, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông:

- Thông qua việc bầu bổ sung tối thiểu 03 thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- Trường hợp số lượng ứng viên đáp ứng điều kiện nhiều hơn, Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định số lượng cụ thể phù hợp với cơ cấu Hội đồng quản trị;

Hội đồng quản trị đã ban hành văn bản thông báo tìm kiếm, tiếp nhận hồ sơ ứng viên thành viên độc lập Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông xem xét bầu tại kỳ họp thường niên năm 2026.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban Kiểm soát;
- Ban Giám đốc;
- Lưu VT, HS.HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Huỳnh Hảo Tài

Số: **0948**/TTr-CNNB

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè nhận được Thư thông báo số 04/2026/REEWATER ngày 09/3/2026 của Công ty TNHH Nước sạch REE (cổ đông nắm giữ 20,02% cổ phần của Công ty) về việc thay thế đại diện tham gia Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè. Theo đó, Công ty TNHH Nước sạch REE đề cử ông Thái Ngọc Sáng tham gia ứng cử làm thành viên Hội đồng quản trị Công ty cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2022 - 2027, thay thế cho ông Lục Chánh Trường.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua:

- Miễn nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Lục Chánh Trường kể từ kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.
- Bầu bổ sung một (01) thành viên Hội đồng quản trị cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2022 - 2027, để thay thế cho thành viên được miễn nhiệm nêu trên.

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- ĐHCĐ Cty;
- HĐQT Cty;
- BKS Cty;
- BGĐ Cty;
- Lưu VT, HS.HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Huỳnh Hảo Tài

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 4 năm 2026

QUY CHẾ

Tham gia đề cử, ứng cử vào Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè

Điều 1. Cơ sở pháp lý

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động; Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty theo danh sách cổ đông do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam lập tại ngày 20/3/2026.

Điều 3. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)

- Số lượng thành viên HĐQT cần bầu bổ sung: **04 người, trong đó có 03 thành viên độc lập Hội đồng quản trị.**
- Nhiệm kỳ Thành viên Hội đồng quản trị bầu bổ sung: 2022 - 2027
- Điều kiện đề cử, ứng cử thành viên HĐQT:

Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ tổng số cổ phần có quyền biểu quyết:

- Từ 5% đến dưới 10% được đề cử một (01) ứng viên;
- Từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
- Từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
- Từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
- Từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;
- Từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;



- Từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên;
- Từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

4. Tiêu chuẩn ứng cử viên HĐQT:

a) Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý doanh nghiệp;
- Chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác;
- Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc và người quản lý khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;
- Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

b) Đối với ứng viên Thành viên độc lập Hội đồng quản trị, ngoài các tiêu chuẩn quy định tại điểm a Khoản 4 này thì còn phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Không phải là người đang làm việc cho Công ty, Công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, Công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
- Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;
- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;

- Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

Điều 4. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử thành viên HĐQT bao gồm:

- Đơn ứng cử/đề cử (theo mẫu đính kèm);
- Bản cung cấp thông tin do ứng cử viên tự khai (theo mẫu đính kèm);
- Giấy ủy quyền đề cử hợp lệ (trường hợp cổ đông ủy quyền cho người khác đề cử);
- Bản sao y: CCCD/Hộ chiếu, văn bằng chứng nhận trình độ chuyên môn.

Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử ứng viên gửi cho Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè trước 17h00 ngày 20/4/2026 theo địa chỉ sau đây:

- Địa chỉ: 1179 đường Nguyễn Văn Linh, khu phố 41, phường Tân Hưng, Tp.HCM
- Điện thoại: 1900 1210 (số nội bộ 103) Email: nbw.tchc@gmail.com

Điều 5. Lựa chọn các ứng cử viên

Dựa trên các Đơn ứng cử và đề cử của các cổ đông, Hội đồng quản trị sẽ lập danh sách các ứng cử viên HĐQT đáp ứng đủ các tiêu chuẩn được quy định tại Quy chế đề cử, ứng cử này để trình Đại hội đồng cổ đông.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Huỳnh Hảo Tài



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 4 năm 2026

**THẺ LỆ BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHÀ BÈ**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè;

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè tiến hành bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) nhiệm kỳ 2022 – 2027 theo các quy định như sau:

1. Nguyên tắc bầu cử:

- Đảm bảo tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị Công ty;
- Đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ và bảo đảm quyền lợi hợp pháp của tất cả cổ đông;
- Thực hiện bầu cử công khai bằng hình thức bỏ phiếu trực tiếp, theo phương thức bầu dồn phiếu.

2. Đối tượng thực hiện bầu cử:

Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty theo danh sách cổ đông do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam lập tại ngày 20/3/2026.

3. Số lượng và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT:

- Số lượng thành viên HĐQT cần bầu bổ sung: 04 thành viên Hội đồng quản trị (trong đó có 03 thành viên độc lập).
- Nhiệm kỳ HĐQT bầu bổ sung: 2022 - 2027

4. Phương thức bầu cử:

- Danh sách ứng cử viên HĐQT được hình thành dựa trên Hồ sơ đề cử, ứng cử của các cổ đông để lựa chọn các ứng cử viên HĐQT đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện đã được nêu trong Quy chế đề cử, ứng cử thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và quy định của pháp luật. Danh sách ứng cử viên phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.



- Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

- Việc bầu cử bổ sung thành viên HĐQT được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại Luật Doanh nghiệp 2020. Theo đó, mỗi cổ đông có tổng số Phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu (bao gồm cổ phần do chính mình sở hữu và cổ phần được ủy quyền sở hữu) nhân với số thành viên được bầu. Cụ thể:

Tổng số Phiếu bầu của mỗi cổ đông = Tổng số cổ phần sở hữu của cổ đông x 4

- Cổ đông chỉ được lựa chọn **tối đa 04 ứng viên** trong số các ứng cử viên HĐQT.

5. Thủ tục và hình thức tiến hành bầu cử

5.1 Phiếu biểu quyết:

a. Hình thức Phiếu biểu quyết:

- Mỗi cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền được phát một Phiếu biểu quyết bầu thành viên HĐQT do Công ty phát hành.

- Phiếu biểu quyết có đóng dấu treo của Công ty.

b. Nội dung Phiếu biểu quyết gồm:

- Họ tên cổ đông, Mã số tham dự, Tổng số cổ phần, Tổng số Phiếu bầu tối đa, Số thành viên HĐQT được bầu bổ sung.

- Danh sách ứng cử viên HĐQT, Số phiếu bầu.

- Một số lưu ý khi bầu cử.

- Phần chữ ký và họ tên của cổ đông/người được ủy quyền.

5.2 Cách thức ghi Phiếu biểu quyết:

- Cổ đông được chọn 1 trong 2 cách sau để ghi Phiếu biểu quyết:

▪ **Cách 1:** Cổ đông ghi rõ số phiếu bầu cho ứng cử viên mà mình lựa chọn vào ô tương ứng của Phiếu biểu quyết, tại dòng tương ứng với tên của ứng cử viên đó sao cho **tổng số phiếu bầu cho tất cả các ứng viên không vượt quá tổng số phiếu bầu tối đa của Cổ đông và gạch lên cả họ và tên của ứng cử viên không được bầu.**

▪ **Cách 2:** Trường hợp cổ đông muốn dồn toàn bộ số phiếu bầu hoặc chia đều số phiếu bầu của mình cho ứng cử viên mà mình lựa chọn thì đánh dấu chéo (X) hoặc dấu tích (✓) vào ô tương ứng của Phiếu biểu quyết, tại

dòng tương ứng với tên của ứng cử viên đó và **gạch lên cả họ và tên của ứng cử viên không được chọn.**

- Cổ đông chỉ được lựa chọn **tối đa 04 ứng viên** trong số các ứng cử viên.
- Trong mọi trường hợp tên ứng viên bị gạch bỏ và đồng thời có đánh dấu (x, ✓) hoặc có ghi số phiếu bầu thì đều xem là cổ đông không bầu cho ứng cử viên này.
- Trường hợp cổ đông có sự nhầm lẫn khi ghi Phiếu biểu quyết và chưa bỏ Phiếu biểu quyết vào thùng phiếu, cổ đông có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu để được đổi lại Phiếu biểu quyết.

5.3 Phiếu biểu quyết hợp lệ:

Là các Phiếu biểu quyết theo mẫu in sẵn do Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè phát hành, có đóng dấu treo của Công ty; không được tẩy xóa, cạo sửa; có chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền.

5.4 Các trường hợp Phiếu biểu quyết không hợp lệ (không được tính vào kết quả bầu cử):

- Phiếu không do Công ty phát hành hoặc không có dấu treo của Công ty;
- Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên lớn hơn tổng số phiếu bầu của cổ đông đó;
- Phiếu biểu quyết vượt quá số lượng thành viên HĐQT cần bầu theo quy định;
- Phiếu vừa sử dụng cách ghi phiếu thứ 1 cho một ứng viên và cách ghi phiếu thứ 2 cho một ứng viên khác trên cùng một Phiếu biểu quyết;
- Phiếu bị rách, gạch xóa, sửa chữa, ghi thêm tên người khác vào danh sách ứng cử viên hoặc ghi thêm những thông tin, ký hiệu khác;
- Phiếu không có chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền;
- Số lượng phiếu bầu cho ứng cử viên ghi bằng tỉ lệ % hoặc hệ số, ghi số phiếu bầu là số không phải số nguyên dương.
- Phiếu biểu quyết nộp cho Ban kiểm phiếu sau khi việc bỏ phiếu đã kết thúc.

5.5 Trường hợp xem là không tham gia bầu cử:

Các cổ đông có tham dự Đại hội mà không bỏ Phiếu biểu quyết thì số Phiếu biểu quyết của cổ đông đó được xem là không tham gia bầu cử.

5.6 Ban Kiểm phiếu, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

a. Ban Kiểm phiếu:

Ban kiểm phiếu do Đoàn Chủ tịch đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua (thành viên Ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào HĐQT), có trách nhiệm:

0474
ÔNG
Đ. PH
P. NL
IA
-TP.H

- Trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Thẻ lệ bầu cử;
- Hướng dẫn cách thức bầu cử và tổ chức bầu cử;
- Tiến hành kiểm phiếu;
- Công bố kết quả bầu cử trước Đại hội.

b. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu:

- Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước khi bỏ phiếu với sự chứng kiến của các cổ đông;
- Các cổ đông công khai bỏ Phiếu biểu quyết vào thùng phiếu hoặc giao Phiếu biểu quyết cho Ban kiểm phiếu;
- Việc bỏ phiếu bắt đầu từ khi có thông báo của Trưởng Ban kiểm phiếu và kết thúc khi không còn cổ đông nào bỏ Phiếu biểu quyết vào thùng phiếu;
- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;
- Sau khi kiểm phiếu xong, Ban kiểm phiếu phải lập biên bản kết quả kiểm phiếu và được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố trước Đại hội.

6. Nguyên tắc trúng cử:

- 6.1. Kết quả bầu cử được phân loại theo 2 nhóm ứng viên gồm: Danh sách ứng viên cho vị trí thành viên độc lập HĐQT và Danh sách ứng viên cho vị trí thành viên HĐQT không độc lập.
- 6.2. Người trúng cử HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp trong nhóm ứng viên, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên theo quy định.
- 6.3. Trường hợp trong cùng một nhóm ứng viên có từ hai ứng cử viên trở lên có cùng số phiếu bầu mà cần phải loại bớt để đạt đủ số lượng thành viên cần bầu thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau để chọn và khi đó người trúng cử là người có số phiếu bầu cao hơn.

Trường hợp sau khi bầu lại mà số phiếu bầu vẫn bằng nhau thì sẽ ưu tiên lựa chọn người sở hữu hoặc đại diện cho số cổ phần trong Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè cao hơn. Nếu các ứng viên này có số lượng cổ phần sở hữu ngang nhau thì dựa trên các tiêu chí khác như: trình độ chuyên môn, thành tích, thâm niên công tác, ... để lựa chọn.

7. Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu

Những khiếu nại về việc bầu cử và kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa cuộc họp giải quyết và được ghi vào biên bản cuộc họp.

8. Hiệu lực thi hành

- Thẻ lệ bầu cử này được công khai trước Đại hội đồng cổ đông và lấy ý kiến biểu quyết của các cổ đông trước khi tiến hành bầu cử.

- Nếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua với tỉ lệ từ 65% tổng số cổ phần biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp trở lên, Thể lệ này sẽ có hiệu lực thi hành bắt buộc đối với tất cả cổ đông.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Huỳnh Hảo Tài





LÝ LỊCH TRÍCH NGANG ỨNG CỬ VIÊN

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2022 - 2027

(Theo thứ tự A, B, C,...)

STT	HỌ & TÊN	TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN	QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC (Tóm tắt)	VỊ TRÍ ỨNG CỬ
1	Ông THÁI NGỌC SÁNG - Ngày sinh: 05/06/1974 - Nơi sinh: Tây Ninh - CCCD số: 079074033502 - Quốc tịch: Việt Nam - Cư trú: 708/19/7 Hồng Bàng, phường Minh Phụng, Thành phố Hồ Chí Minh.	- Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng	- 1996 đến 2000: Nhân viên kế toán Công ty XNK Thủy sản TpHCM. - Từ 2000 đến: 2004: Phó Phòng Kế toán Công ty XNK Thủy sản TpHCM. - 2004 đến 2010: Kế toán Trưởng Công ty cổ phần XNK Thủy sản Sài Gòn. - 2011 đến 2013: Kế toán viên Công ty cổ phần DV&KT CĐL R.E.E - 2013 - 2021: REE Corporation - 2021 đến nay: Công ty TNHH Nước sạch REE, PGD -THW	<input checked="" type="checkbox"/> Thành viên Hội đồng quản trị <input type="checkbox"/> Thành viên độc lập Hội đồng quản trị